STT	Mã số thuế	Tên NNT	Mã quản lý thuế	Ngày quyết định	Cơ quan ban hành	Hình thức	Lý do thay đổi	Mô tả nội dung thay đổi	Loại thay đổi (mã số)	Tỷ lệ (%)	Hiệu lực thi hành từ ngày	Cơ quan thuế tiếp nhận	Cơ quan thuế cũ	Cơ quan thuế mới	Tên cũ, địa chỉ cũ	Ghi chú	Trạng thái
CHI NHÁNH - địa chỉ: Số 2 Đường Lê Quang Đạo, Phường Mỹ Đình 2, Hà Nội																	
1	0101234567-001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ AN PHÚ – CHI NHÁNH HÀ NỘI	0101234567-001	15/05/2026	Chi Cục Thuế Khu vực I	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật từ Ông Trần Văn Minh sang Bà Nguyễn Thị Hồng Lan; cập nhật địa chỉ trụ sở chi nhánh từ số 12 Lê Lợi, Quận 1 sang số 45 Nguyễn Huệ, Quận 1	Chi nhánh hạch toán phụ thuộc, không có tư cách pháp nhân độc lập		15/05/2026	Chi Cục Thuế Khu vực I			Không		Đang hoạt động
2	0102345678	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Hoàng Gia	0102345678	20/03/2026	Chi Cục Thuế Khu vực II	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật ngành nghề kinh doanh	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/04/2026	Chi Cục Thuế Khu vực II			Không có		Đang hoạt động
3	0103456789	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sao Mai	0103456789	10/01/2026	Chi Cục Thuế Khu vực III	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật địa chỉ trụ sở từ số 78 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội sang số 210 Lê Duẩn, Phường Văn Miếu, Thành phố Hà Nội	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/02/2026	Chi Cục Thuế Khu vực III			Không có		Đang hoạt động
4	0104567890	Hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Thị Lan Anh	0104567890	05/06/2026	Chi Cục Thuế Khu vực IV	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật địa chỉ kinh doanh từ số 15 ngõ 120 Cầu Giấy sang số 3 Tôn Thất Thuyết, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/07/2026	Chi Cục Thuế Khu vực IV			Không có		Đang hoạt động
5	0105678901	Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Hoàng Long	0105678901	12/04/2026	Chi Cục Thuế Khu vực V	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/05/2026	Chi Cục Thuế Khu vực V			Không có		Đang hoạt động
6	0106789012	Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Số Việt Nam tại Đà Nẵng	0106789012	18/02/2026	Chi Cục Thuế Khu vực VI	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/03/2026	Chi Cục Thuế Khu vực VI			Không có		Đang hoạt động
7	0107890123	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phát	0107890123	25/07/2026	Chi Cục Thuế Khu vực VII	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/08/2026	Chi Cục Thuế Khu vực VII			Không có		Đang hoạt động
8	0108901234	Công ty Cổ phần Sản xuất và Xuất nhập khẩu Thủy sản Biển Đông	0108901234	08/09/2026	Chi Cục Thuế Khu vực VIII	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/10/2026	Chi Cục Thuế Khu vực VIII			Không có		Đang hoạt động
9	0109012345	Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hoàng Anh Tuấn	0109012345	14/11/2026	Chi Cục Thuế Khu vực IX	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/12/2026	Chi Cục Thuế Khu vực IX			Không có		Đang hoạt động
10	0110123456	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Tái tạo Gió Mới	0110123456	30/12/2026	Chi Cục Thuế Khu vực X	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/01/2027	Chi Cục Thuế Khu vực X			Không có		Đang hoạt động
11	0111234567	Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Giấy Carton Hoàng Gia	0111234567	22/08/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XI	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/09/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XI			Không có		Đang hoạt động
12	0112345678	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Du lịch Sao Biển	0112345678	03/04/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XII	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/05/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XII			Không có		Đang hoạt động
13	0113456789	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phát	0113456789	19/10/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XIII	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/11/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XIII			Không có		Đang hoạt động
14	0114567890	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sao Mai	0114567890	07/06/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XIV	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/07/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XIV			Không có		Đang hoạt động
15	0115678901	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phát	0115678901	25/07/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XV	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/08/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XV			Không có		Đang hoạt động
16	0116789012	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sao Mai	0116789012	14/09/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XVI	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/10/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XVI			Không có		Đang hoạt động
17	0117890123	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phát	0117890123	03/11/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XVII	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/12/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XVII			Không có		Đang hoạt động
18	0118901234	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sao Mai	0118901234	22/12/2026	Chi Cục Thuế Khu vực XVIII	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/01/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XVIII			Không có		Đang hoạt động
19	0119012345	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phát	0119012345	10/01/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XIX	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/02/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XIX			Không có		Đang hoạt động
20	0120123456	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sao Mai	0120123456	28/02/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XX	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/03/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XX			Không có		Đang hoạt động
21	0121234567	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phát	0121234567	15/04/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXI	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/05/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXI			Không có		Đang hoạt động
22	0122345678	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sao Mai	0122345678	01/06/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXII	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/07/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXII			Không có		Đang hoạt động
23	0123456789	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phát	0123456789	18/07/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXIII	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/08/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXIII			Không có		Đang hoạt động
24	0124567890	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sao Mai	0124567890	05/08/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXIV	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/09/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXIV			Không có		Đang hoạt động
25	0125678901	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phát	0125678901	22/09/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXV	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/10/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXV			Không có		Đang hoạt động
26	0126789012	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sao Mai	0126789012	10/10/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXVI	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/11/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXVI			Không có		Đang hoạt động
27	0127890123	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phát	0127890123	27/11/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXVII	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/12/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXVII			Không có		Đang hoạt động
28	0128901234	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sao Mai	0128901234	14/12/2027	Chi Cục Thuế Khu vực XXVIII	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/01/2028	Chi Cục Thuế Khu vực XXVIII			Không có		Đang hoạt động
29	0129012345	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Minh Phát	0129012345	01/01/2028	Chi Cục Thuế Khu vực XXIX	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/02/2028	Chi Cục Thuế Khu vực XXIX			Không có		Đang hoạt động
30	0130123456	Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sao Mai	0130123456	18/02/2028	Chi Cục Thuế Khu vực XXX	Thay đổi, cập nhật thông tin	Cập nhật	Cập nhật Chủ Sở Hữu	Thay đổi thông tin người đại diện theo pháp luật		01/03/2028	Chi Cục Thuế Khu vực XXX			Không có		Đang hoạt động

46	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
47	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
48	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
49	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
50	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
51	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
52	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
53	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
54	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
55	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
56	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
57	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
58	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
59	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
60	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
61	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
62	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
63	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
64	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
65	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
66	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
67	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
68	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
69	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
70	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
71	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
72	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
73	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
74	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
75	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
76	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
77	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
78	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
79	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
80	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
81	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
82	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
83	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
84	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
85	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
86	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
87	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
88	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
89	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
90	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
91	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
92	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
93	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
94	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
95	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
96	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
97	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
98	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
99	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai
100	0.0000	Hộ kinh doanh thành lập ngày 20/08/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 37A-[illegible] do UBND huyện Cần Giờ cấp, đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 20/08/2014 và đã được [illegible]	3701[illegible]0014	14/05/1986	Hộ Không nghiệp và Mô hoàng	Thôn 2A	Cấp cá	Công dân Việt Nam, 32 năm (không bao gồm doanh nghiệp, [illegible]	CSDC không thuộc quản [illegible]			Tự hạn thuê, điều cấp xe					Đã công khai

362	1.116836	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường mầm non	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục mầm non	Cấp xã	nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			đồng/01 trẻ (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn		Đã công khai
363	1.116837	Sáp nhập, chia, tách trường mầm non	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục mầm non	Cấp xã	nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			sau khi chia, tách phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập quy định		Đã công khai
364	1.116838	Giải thể trường mầm non (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục mầm non	Cấp xã	nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			Không		Đã công khai
365	1.116839	Cho phép thành lập nhóm, lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục mầm non	Cấp xã	Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp Việt Nam	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			số lượng, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm để tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc		Đã công khai
366	1.116840	Sáp nhập, chia, tách nhóm lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục mầm non	Cấp xã	Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp Việt Nam	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			b) Nhóm lớp mầm non độc lập mới được hình thành sau khi chia, tách phải đáp ứng đầy đủ các		Đã công khai
367	1.116841	Giải thể nhóm lớp mầm non độc lập dân lập, tư thục (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập nhóm lớp)	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục mầm non	Cấp xã	Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp Việt Nam	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			Không		Đã công khai
368	1.116842	Cho phép thành lập trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục Phổ thông	Cấp xã	nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			kinh doanh phi nông nghiệp sang sử dụng vào mục đích giáo dục và đào tạo, đồng		Đã công khai
369	1.116843	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục Phổ thông	Cấp xã	nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			duy trì và phát triển hoạt động giáo dục: Đối với trường tư thục, mức đầu tư ít nhất là 50 triệu		Đã công khai
370	1.116844	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục Phổ thông	Cấp xã	Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			hình thành sau khi chia, tách phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập		Đã công khai
371	1.116845	Giải thể trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục Phổ thông	Cấp xã	nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			Không		Đã công khai
372	1.116846	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cơ sở giáo dục khác	Cấp xã	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			an toàn cho giáo viên và học sinh theo quy định về vệ sinh trường học; bảo đảm điều kiện cho học		Đã công khai
373	1.116847	Cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng tư thục	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục thường xuyên	Cấp xã	Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			động giáo dục tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; c) Có cán bộ quản		Đã công khai
374	1.116848	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng tư thục	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục thường xuyên	Cấp xã	Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã			phương; b) Trung tâm được hình thành sau khi chia, tách phải đáp ứng các điều kiện		Đã công khai
375	1.116849	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng tư thục (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	2855/QĐ-BGDĐT	30/09/2026	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giáo dục thường xuyên	Cấp xã	Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam	TTHC được luật giao quy định chi tiết		bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ phận Một cửa của cơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã					Đã công khai
376	1.116907	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	3033/QĐ-BYT	29/09/2026	Bộ Y tế	Bảo trợ xã hội	Cấp tỉnh, Cấp xã	Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	TTHC được luật giao quy định chi tiết			Ủy ban nhân dân cấp xã				Đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP		Đã công khai
377	1.116908	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	3033/QĐ-BYT	29/09/2026	Bộ Y tế	Bảo trợ xã hội	Cấp tỉnh, Cấp xã	gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	TTHC được luật giao quy định chi tiết			Cơ sở trợ giúp xã hội, Công an Xã, Ủy ban nhân dân cấp xã				Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP		Đã công khai
378	1.116909	Thực hiện trợ cấp xã hội và nhận chăm sóc, nuôi dưỡng, hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng	3033/QĐ-BYT	29/09/2026	Bộ Y tế	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Công dân Việt Nam mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú, Người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam	TTHC được luật giao quy định chi tiết			Ủy ban nhân dân cấp xã				số 335/2026/NĐ-CP hộ gia đình, cá nhân nhận chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 15		Đã công khai
379	1.116910	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	3033/QĐ-BYT	29/09/2026	Bộ Y tế	Bảo trợ xã hội	Cấp xã	nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Công	TTHC được luật giao quy định chi tiết			Ủy ban nhân dân cấp xã				Nghị định số 335/2026/NĐ-CP khi chết thì cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tổ chức mai táng		Đã công khai

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Trường hợp xử lý	Mô tả chi tiết
1	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới		- Bước 1: Cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật. - Bước 2: Cá nhân nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú. Trường hợp công dân nộp hồ sơ đề nghị xác nhận tới cơ quan đăng ký cư trú cùng hồ sơ đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, cơ quan đăng ký cư trú có trách nhiệm chuyển hồ sơ đề nghị xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết. - Bước 3: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và cấp giấy hẹn trả kết quả cho công dân; + Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì từ chối và trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và trả kết quả cho công dân. - Bước 4: Căn cứ ngày hẹn trả kết quả để nhận kết quả giải quyết thủ tục xác nhận.
2	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý		- Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được đầu tư xây dựng mới), đơn vị chủ trì quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng chợ được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. - Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định giao tài sản. - Kể từ ngày có Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ của Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản.
3	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ		- Bước 1: Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản lập hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản gửi cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cùng cấp. - Bước 2: Cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi. - Bước 3: Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.
4	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã		- Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt hạng mục nhà máy thủy điện; - Bước 2: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt phương án để hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; - Bước 3: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt; trường hợp không đủ điều kiện phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt và thông báo lý do bằng văn bản.
5	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên		- Tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã tại nơi tổ chức bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. - Hồ sơ thông báo phải được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã tối thiểu 03 ngày làm việc trước khi thực hiện hoạt động (căn cứ theo ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nhận ghi trên vận đơn bưu điện hoặc các hình thức có giá trị tương đương trong trường hợp gửi qua đường bưu điện, căn cứ theo ngày ghi trên giấy tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp nộp trực tiếp, căn cứ theo thời gian ghi nhận trên hệ thống thư điện tử hoặc căn cứ theo ngày ghi nhận trên hệ thống trong trường hợp nộp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến). - Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động đã được thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã trước đó, tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đã thông báo. Ủy ban nhân dân cấp xã công khai
6	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín		Bước 1: Khi có các trường hợp cần đưa ra khỏi danh sách người có uy tín theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn cần triển khai thực hiện ngay theo quy định và thống nhất với Chi ủy chi bộ; tổ chức họp liên tịch (có sự tham gia của đại diện Chi ủy, chính quyền, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và đại diện hộ dân trong thôn), lập văn bản đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Bước 2: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, tổng hợp và lập hồ sơ gửi cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo cấp tỉnh. Bước 3: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của xã, cơ quan chuyên môn về
7	1.012222	Công nhận người có uy tín		Bước 1: Trưởng thôn tổ chức họp thôn (có sự tham gia của ít nhất 2/3 số hộ gia đình trong thôn) để phổ biến về nội dung chính sách, tiêu chí, điều kiện, số lượng và đề cử danh sách lựa chọn người có uy tín gửi Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn. Bước 2: Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn tổ chức họp liên tịch (có sự tham gia của đại diện Chi ủy, chính quyền, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và đại diện hộ dân trong thôn), lập văn bản đề nghị kèm theo biên bản họp liên tịch thôn gửi Ủy ban nhân dân cấp xã. Bước 3: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, kiểm tra, lập hồ sơ gửi xin ý kiến cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo cấp tỉnh. Bước 4: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của xã, cơ quan chuyên môn về dân tộc, tín ngưỡng và tôn giáo cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan
8	1.012592	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)		Bước 1: Chậm nhất là 30 ngày trước ngày cơ sở tín ngưỡng bắt đầu hoạt động tín ngưỡng, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng. Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét văn bản đăng ký, trường hợp văn bản chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện văn bản đăng ký không tính vào thời hạn giải quyết. Bước 3: Sau khi thẩm định văn bản đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng và gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín
9	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)		Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ Trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung, người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung chuẩn bị đầy đủ các thành phần hồ sơ điện tử theo yêu cầu. Tài liệu có thể được scan, chụp từ bản chính hoặc sử dụng trực tiếp các bản điện tử đã có sẵn theo quy định pháp luật. Các tài liệu điện tử được công dân, tổ chức chủ động lựa chọn và lấy từ nguồn phù hợp (thiết bị cá nhân, kho dữ liệu điện tử, ví VNeID hoặc các kho lưu trữ khác) - Thành phần hồ sơ: + Văn bản đăng ký (theo mẫu); + Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung (trường hợp giấy tờ chứng minh địa điểm hợp pháp có thành phần là bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu về Đất đai để thay thế); + Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn
10	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)		Bước 1: Trước khi thay đổi người đại diện, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét hồ sơ đăng ký, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết. Bước 3: Sau khi thẩm định hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung và gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản
11	1.012591	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)		Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày trước ngày diễn ra hoạt động tín ngưỡng không có trong văn bản đã được đăng ký, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng. Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét văn bản đăng ký, trường hợp văn bản đăng ký chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện văn bản đăng ký không tính vào thời hạn giải quyết. Bước 3: Sau khi thẩm định văn bản đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng và gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho
12	1.012584	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)		Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ Trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung, người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung chuẩn bị đầy đủ các thành phần hồ sơ điện tử theo yêu cầu. Tài liệu có thể được scan, chụp từ bản chính hoặc sử dụng trực tiếp các bản điện tử đã có sẵn theo quy định pháp luật. Các tài liệu điện tử được công dân, tổ chức chủ động lựa chọn và lấy từ nguồn phù hợp (thiết bị cá nhân, kho dữ liệu điện tử, ví VNeID hoặc các kho lưu trữ khác) - Thành phần hồ sơ: + Văn bản đăng ký (theo mẫu); + Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung (trường hợp giấy tờ chứng minh địa điểm hợp pháp có thành phần là bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu về Đất đai để thay thế); + Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn
13	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)		Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ Tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc người đại diện của nhóm người theo tôn giáo đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo chuẩn bị đầy đủ các thành phần hồ sơ điện tử theo yêu cầu. Tài liệu có thể được scan, chụp từ bản chính hoặc sử dụng trực tiếp các bản điện tử đã có sẵn theo quy định pháp luật. Các tài liệu điện tử được công dân, tổ chức chủ động lựa chọn và lấy từ nguồn phù hợp (thiết bị cá nhân, kho dữ liệu điện tử, ví VNeID hoặc các kho lưu trữ khác) - Thành phần hồ sơ: + Văn bản đăng ký (theo mẫu); + Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để làm nơi sinh hoạt tôn giáo(trường hợp giấy tờ chứng minh địa điểm hợp pháp có thành phần là bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu về Đất đai để thay thế);
14	1.013796	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ		- Bước 1: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã trước khi tổ chức đại hội có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp xã. - Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức hoặc người đại diện của nhóm người theo tôn giáo để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết. - Bước 3: Sau khi thẩm định hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc tổ chức đại hội và gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho các tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản
15	1.013798	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ		- Bước 1: Trước khi giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã, chức sắc, chức việc, nhà tu hành có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp xã. - Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét văn bản đề nghị, trường hợp hồ sơ đề nghị chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành để bổ sung, hoàn thiện văn bản đề nghị. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện văn bản đề nghị không tính vào thời hạn giải quyết. - Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định văn bản đề nghị (nếu cần). Sau khi thẩm định hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký
16	1.013797	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ		- Bước 1: Trước khi tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp xã. - Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ đề nghị chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện văn bản đề nghị. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện văn bản đề nghị không tính vào thời hạn giải quyết. - Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định văn bản đề nghị (nếu cần). Sau khi thẩm định văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký và gửi kết
17	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục		Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu năm học, người đứng đầu cơ sở giáo dục thông báo cho người khuyết tật học tại cơ sở giáo dục (hoặc cha mẹ, người giám hộ) về chính sách đối với người khuyết tật và nộp một bộ hồ sơ theo quy định. Đối với cơ sở giáo dục công lập: - Người khuyết tật (hoặc cha mẹ, người giám hộ) nộp một bộ hồ sơ theo quy định cho cơ sở giáo dục công lập người khuyết tật đang học. - Người đứng đầu cơ sở giáo dục công lập căn cứ vào quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật (Thông tư liên tịch số 42) tổ chức quy trình kiểm tra, đối chiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ, tổng hợp, lập danh sách và
18	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo		Tháng 8 hằng năm, cơ sở giáo dục mầm non tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi và hướng dẫn cho cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em thuộc đối tượng được hưởng chính sách nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ ăn trưa. Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở giáo dục mầm non thông báo, cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại cơ sở giáo dục mầm non. Mỗi đối tượng nộp 01 bộ hồ sơ cho 01 lần đầu đề nghị hỗ trợ trong cả thời gian học tại cơ sở giáo dục mầm non. Riêng đối tượng trẻ em là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ nộp bổ sung Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo từng năm học. Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ, cơ sở giáo dục mầm non lập danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa kèm theo hồ sơ cha mẹ hoặc người chăm

19	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	a) Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập	- Đầu năm học, các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở dân tộc thiểu số rất ít người theo học tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho cha mẹ (hoặc người chăm sóc) trẻ mẫu giáo; cho học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách làm đơn đề nghị hỗ trợ học tập. - Đầu khóa học, các trường dự bị đại học, các cơ sở giáo dục đại học có học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo học tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi cho học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách làm đơn đề nghị hỗ trợ học tập. - Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết thông báo, cha mẹ (hoặc người chăm sóc) trẻ mẫu giáo; học sinh, sinh viên nộp đơn cho cơ sở giáo dục. - Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn hết hạn nhận đơn, các cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức xem xét đơn đề nghị hỗ trợ học tập,
20	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	b) Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập	- Đầu năm học, các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở dân tộc thiểu số rất ít người theo học tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho cha mẹ (hoặc người chăm sóc) trẻ mẫu giáo; cho học sinh thuộc đối tượng được hưởng chính sách làm đơn đề nghị hỗ trợ học tập. - Đầu khóa học, các cơ sở giáo dục đại học có học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người theo học tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi cho học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách làm đơn đề nghị hỗ trợ học tập. - Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết thông báo, cha mẹ (hoặc người chăm sóc) trẻ mẫu giáo; học sinh, sinh viên nộp đơn cho cơ sở giáo dục. Các cơ sở giáo dục có trách nhiệm xác nhận vào đơn đề nghị hỗ trợ học tập của cha mẹ (hoặc người chăm sóc) trẻ mẫu giáo; của học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người. - Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể
21	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú		1. Kế hoạch tuyển sinh a) Sở Giáo dục và Đào tạo lập kế hoạch tuyển sinh đối với trường PTDTNT trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và ban hành. Kế hoạch tuyển sinh gồm các nội dung chính sau: đối tượng, địa bàn, phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh; tỷ lệ tuyển sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn và các địa bàn khác; tổ chức công tác tuyển sinh; b) Trường Hữu Nghị 80, Trường Hữu Nghị T78, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc lập kế hoạch tuyển sinh, báo cáo cơ quan chủ quản và trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt. 2. Tổ chức tuyển sinh a) Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tuyển sinh đối với các trường PTDTNT có cấp học cao nhất là trung học phổ thông và hướng dẫn tuyển sinh đối với các Ủy ban nhân nhân xã hướng dẫn tuyển sinh đối với các trường PTDTNT trung học cơ sở đặt trên địa bàn; b) Trường Hữu Nghị 80, Trường
22	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp		Tháng 8 hằng năm, cơ sở giáo dục mầm non tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi và hướng dẫn cho cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em thuộc đối tượng được hưởng chính sách nộp hồ sơ đề nghị trợ cấp Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ sở giáo dục mầm non thông báo, cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc trực tuyến 01 bộ hồ sơ theo quy định tại cơ sở giáo dục mầm non Cơ sở giáo dục mầm non tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ nộp là bản sao chưa có chứng thực của cấp có thẩm quyền, người nhận hồ sơ có trách nhiệm đối chiếu với bản chính, ký xác nhận vào bản sao để đưa vào hồ sơ, yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa đúng quy định. Sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, cơ sở giáo dục mầm non gửi giấy tiếp nhận hồ sơ cho cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em. Trường hợp hồ sơ gửi qua bưu điện hoặc trực tuyến
23	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		a) Cơ sở giáo dục phổ thông tư thục gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc nộp trực tuyến kèm theo bản mềm đến Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động. b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quyết định chuyển đổi. Quyết định chuyển đổi được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan quyết định chuyển đổi. c) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục phổ
24	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp		Tháng 8 hằng năm, người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định, trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc trực tuyến đến Ủy ban nhân dân xã. Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục mầm non, phòng có chức năng quản lý giáo dục của Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định hồ sơ, tổng hợp danh sách giáo viên được hưởng chính sách gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ của phòng có chức năng quản lý giáo dục, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh sách giáo viên được hưởng chính sách và thông báo kết quả cho cơ sở giáo dục mầm non. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ sở giáo dục mầm non thông báo công khai danh sách giáo viên
25	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông		a) Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên theo học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập nộp đơn theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 238/2025/NĐ-CP kèm theo giấy tờ minh chứng đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập gửi cơ sở giáo dục. Trường hợp người học nộp hồ sơ sau thời hạn quy định nêu trên thì được xem xét hưởng chính sách kể từ thời điểm nộp hồ sơ cho đơn vị tiếp nhận hồ sơ theo quy định. b) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí học tập, Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và phê duyệt danh sách người học được hỗ trợ chi phí học tập.
26	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước		a) Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày nhập học, người học thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí nộp Đơn đề nghị chi trả tiền miễn, giảm học phí theo mẫu tại Phụ lục IV Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, kèm theo giấy tờ minh chứng đối tượng được miễn, giảm học phí gửi cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học. Trường hợp người học nộp hồ sơ sau thời hạn quy định nêu trên thì được xem xét hưởng chính sách kể từ thời điểm nộp hồ sơ cho đơn vị tiếp nhận hồ sơ theo quy định. b) Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí, Thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm xác nhận hồ sơ miễn, giảm học phí đối với người học theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 238/2025/NĐ-CP; đồng thời lập danh sách người học được miễn, giảm học phí theo mẫu quy định tại Phụ lục VI Nghị định số 238/2025/NĐ-CP gửi về Ủy ban
27	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu		a) Trong vòng 45 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học, cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em mầm non, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, học viên theo học chương trình giáo dục phổ thông cấp trung học cơ sở tại cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập nộp đơn theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 238/2025/NĐ-CP kèm theo giấy tờ minh chứng đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập gửi cơ sở giáo dục. Trường hợp người học nộp hồ sơ sau thời hạn quy định nêu trên thì được xem xét hưởng chính sách kể từ thời điểm nộp hồ sơ cho đơn vị tiếp nhận hồ sơ theo quy định. b) Trách nhiệm xét duyệt và thẩm định hồ sơ: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi kết thúc thời hạn nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí học tập, Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm lập danh sách người học được hỗ trợ chi phí học tập gửi Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh thẩm
28	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài		- Bước 1: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông báo cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chính sách nội trú. - Bước 2: Xác nhận đơn đề nghị cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm xác nhận vào đơn đề nghị cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên. - Bước 3: Nộp hồ sơ Học sinh, sinh viên thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg nộp hồ sơ tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học sinh, sinh viên đó có hộ khẩu thường trú. - Bước 4: Thẩm định hồ sơ cấp chính sách nội trú Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đối chiếu, thẩm định, phê duyệt danh sách đối tượng được hưởng chính
29	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã		- Bước 1: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp thông báo cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp về chính sách nội trú. - Bước 2: Học sinh, sinh viên thuộc đối tượng quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg nộp hồ sơ tới cơ sở giáo dục nghề nghiệp nơi học sinh, sinh viên đang theo học. - Bước 3: Thẩm định hồ sơ cấp chính sách nội trú Thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đối chiếu, thẩm định và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ; tổng hợp, lập danh sách đối tượng được hưởng chính sách. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có trách nhiệm thông báo cho người học được biết trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Bước 4: Chi trả học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ Cơ sở giáo dục nghề nghiệp nơi học
30	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí		- Tháng 8 hằng năm, cơ sở giáo dục mầm non tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi và hướng dẫn cho cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em nhà trẻ nộp hồ sơ đề nghị hưởng chính sách trẻ em nhà trẻ bán trú; - Trong vòng 15 ngày kể từ ngày cơ sở giáo dục mầm non thông báo, cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em nhà trẻ gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến cơ sở giáo dục mầm non. Mỗi đối tượng nộp 01 bộ hồ sơ cho 01 lần đầu đề nghị hỗ trợ trong cả thời gian học tại cơ sở giáo dục mầm non. Riêng đối tượng trẻ em nhà trẻ hộ nghèo nộp bổ sung Giấy chứng nhận hộ nghèo theo từng năm trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. - Cơ sở giáo dục mầm non tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu thành phần hồ sơ nộp là bản chụp chưa có chứng thực của cấp có thẩm quyền,
31	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở		1.1.1. Hằng năm tổ chức 01 (một) lần tuyển sinh trung học cơ sở. 1.1.2. Tuyển sinh trung học cơ sở được thực hiện theo phương thức xét tuyển. 1.1.3. Tiêu chí xét tuyển do Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể, bảo đảm thực hiện việc xét tuyển công bằng, khách quan, minh bạch, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Đối với trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp trung học cơ sở (sau đây gọi chung là trường trung học cơ sở) thuộc đại học, trường đại học, viện nghiên cứu, tiêu chí xét tuyển do đại học, trường đại học, viện nghiên cứu trực tiếp quản lý hướng dẫn hoặc thực hiện theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo nơi trường đặt trụ sở. 1.1.4 Quy trình tuyển sinh trung học cơ sở a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phê duyệt kế hoạch tuyển sinh trung học cơ sở. Kế hoạch tuyển sinh trung học
32	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo		- Vào đầu năm học, các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và cơ sở giáo dục thường xuyên có học viên bán trú tổ chức phổ biến, thông báo rộng rãi, hướng dẫn cho bố, mẹ (hoặc người giám hộ) và học sinh, học viên thuộc đối tượng được hưởng chính sách chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này; - Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh bán trú và cơ sở giáo dục thường xuyên thông báo, mỗi đối tượng đề nghị được hưởng chính sách nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp cho cơ sở giáo dục (nộp 01 bộ hồ sơ cho 01 lần đầu đề nghị xét hưởng chính sách cho cả cấp học). Trường hợp thuộc hộ nghèo phải nộp bổ sung giấy tờ chứng minh hộ nghèo theo từng năm trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu
33	1.014451	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.		- Doanh nghiệp, tổ chức nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định đến cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền, phân cấp quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo). I) Xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo 1. Trong thời hạn 30 ngày tính từ ngày xác nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tổ chức xét duyệt nhiệm vụ. Việc tổ chức xét duyệt nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo quyết định và thực hiện theo một trong các hình thức sau: a) Tự xét duyệt; b) Thành lập Hội đồng xét duyệt; c) Thuê tổ chức tư vấn xét duyệt. 2. Đối với hình thức xét duyệt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP cơ quan quản lý nhiệm vụ đổi mới sáng tạo sử dụng bộ máy, nhân lực, nguồn lực
34	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất		- Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 tờ khai trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã (sau đây gọi tắt là Bộ phận Một cửa) hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. - Bước 2: Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: Bộ phận Một cửa có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Bộ phận Một cửa trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho chủ giấy phép. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường để kiểm tra thông tin. - Bước 3: Thẩm định hồ sơ và quyết định phê duyệt tiền cấp quyền: Kể từ ngày nhận tờ khai, phòng chuyên môn về lĩnh vực nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm kiểm tra thông tin trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xác nhận.
35	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã		Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Bước 2: Hoàn chỉnh hồ sơ. Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản. Bước 3: Xem xét hồ sơ và trình phê duyệt: - Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định hoặc tổ chức kiểm tra và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định; - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt; trường hợp không phê duyệt thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.
36	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)		Bước 1. Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt hỗ trợ liên kết đến Ủy ban nhân dân cấp xã bằng hình thức trực tiếp hoặc môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính. Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính bằng văn bản. Bước 2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định12 (thành lập Hội đồng thẩm định) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, phê duyệt. Bước 3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt hỗ trợ liên kết; trường hợp không phê duyệt liên kết thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý

1	19/01/68	Thực hiện việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ. Điều 6. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất; 2. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
2	19/01/68	Thực hiện việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ. Điều 6. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất; 2. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
3	19/01/72	Thực hiện việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ. Điều 6. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền quyết định thu hồi đất; 2. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
4	19/01/72	Công bố kết quả tuyển dụng viên chức		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
5	19/01/68	Thực hiện việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
6	19/01/72	Thực hiện việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
7	19/01/72	Thực hiện việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
8	19/01/72	Thực hiện việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
9	19/01/72	Thực hiện việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
10	19/01/72	Thực hiện việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
11	19/01/72	Thông báo về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
12	19/01/72	Thực hiện việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
13	19/01/72	Thông báo về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
14	19/01/72	Thông báo về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
15	19/01/72	Thông báo về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
16	19/01/72	Thông báo về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
17	19/01/72	Thông báo về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.
18	19/01/72	Thông báo về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân không phải là người sử dụng đất theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật này		Điều 5. Trong đó, có 70 hecta đất trồng lúa được chuyển sang đất ở tại đô thị; 2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì có văn bản hướng dẫn để cơ quan, tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định; 3. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó không có chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở, bán, cho thuê nhà ở, cho thuê mua nhà ở tại nơi tái định cư theo quy định của Luật này và pháp luật về nhà ở; 4. Trường hợp thu hồi đất ở, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất ở của người đang sử dụng đất mà người đó có chỗ ở khác trong địa bàn cấp xã nơi có đất thu hồi thì được bồi thường bằng tiền theo quy định của Chính phủ.

55	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm		a) Bước 1: Gửi hồ sơ Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. b) Bước 2: Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát - Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn, tổ dân phố, bản, buôn, khóm, ấp (viết tắt là thôn) và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo mẫu tại Phụ lục I Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH. - Rà soát viên sử dụng Phiếu A theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH (hướng dẫn sử dụng phiếu A tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH) để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 chỉ tiêu từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát.
56	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân		a) Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ Chủ rừng nộp 01 bộ hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã bằng cách thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; b) Bước 2: Xác minh Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức xác minh hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất và lập biên bản xác minh điều kiện hỗ trợ lãi suất vốn vay tại ngân hàng theo Mẫu số 05 Phụ lục kèm theo Nghị định này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. c) Bước 3: Ban hành quyết định
57	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất		Bước 1: Người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Văn phòng đăng ký đất đai. Khi nộp các giấy tờ quy định, người yêu cầu đăng ký được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực; trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp nộp bản sao hoặc bản số hóa các loại giấy tờ thì khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính người yêu cầu đăng ký phải nộp bản chính các giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ theo quy định, trừ các giấy tờ là giấy phép xây dựng, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, quyết định đầu tư, giấy phép đầu tư, giấy chứng
58	1.012694	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân		a) Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ Cá nhân có dự án đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã bằng cách thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. b) Bước 2: Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã lập tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Mẫu
59	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng		Bước 1: Người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ đến một trong các địa điểm trên địa bàn cấp tỉnh: - Trường hợp tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Văn phòng đăng ký đất đai. - Trường hợp cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai. Khi nộp hồ sơ, người yêu cầu đăng ký được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực; trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính
60	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót		Bước 1: Người yêu cầu đính chính nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Khi nộp các giấy tờ quy định, người yêu cầu đăng ký được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực; trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp nộp bản sao hoặc bản số hóa các loại giấy tờ thì khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính người yêu cầu đăng ký phải nộp bản chính các giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ theo quy định. Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện: - Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và
61	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai		- Người đề nghị nộp đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, Ủy ban nhân dân cấp xã phải thông báo bằng văn bản cho các bên tranh chấp đất đai và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai nơi có đất tranh chấp về việc thụ lý đơn yêu cầu hòa giải tranh chấp đất đai, trường hợp không thụ lý thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Thẩm tra, xác minh nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất. - Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải quy định tại điểm b khoản 2 Điều 235 Luật Đất đai. Tùy từng trường hợp cụ thể, có thể mời người đại diện cho cộng đồng dân cư quy định tại khoản 3 Điều 6 Luật Đất đai; người có uy tín trong dòng họ ở nơi sinh sống, nơi
62	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi		Bước 1: Người yêu cầu nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm: - Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. Trường hợp chưa đầy đủ thành phần hồ sơ thì trả hồ sơ kèm Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ để người yêu cầu đăng ký hoàn thiện, bổ sung theo quy định. - Chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất. Bước 3: Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã thực hiện: - Thông báo cho Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai chuyển hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu để kiểm tra, xem xét và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai. - Kiểm tra hồ sơ, xác định lại thông tin quy định tại điểm d khoản 2 Điều
63	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004		Bước 1: Người yêu cầu đăng ký nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Khi nộp các giấy tờ quy định, người yêu cầu đăng ký được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực; trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp nộp bản sao hoặc bản số hóa các loại giấy tờ thì khi nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính người yêu cầu đăng ký phải nộp bản chính các giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ theo quy định. Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện: - Kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ và cấp Giấy tiếp nhận hồ sơ và
64	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		Bước 1: Nộp hồ sơ Đối tượng được hỗ trợ nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 25 của tháng cuối hằng quý bằng hình thức nộp trực tiếp hoặc qua môi trường mạng hoặc qua đường bưu điện; Bước 2: Thẩm định hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua bưu chính bằng văn bản; Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định hỗ trợ; Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hỗ trợ; trường
65	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái; công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)		Bước 1: Lập danh sách gia súc được phối giống Người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc lập danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo, nộp cho tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc. Bước 2: Nộp hồ sơ Tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện chương trình hỗ trợ phối giống nhân tạo gia súc tổng hợp danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo, hoàn thiện hồ sơ nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ 03 tháng/lần. Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra hồ sơ theo quy định. Bước 3: Tổ chức thẩm định, nghiệm thu kết quả phối giống Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong vòng 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua môi trường mạng hoặc qua bưu chính bằng văn bản; Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể
66	1.012922	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại		a) Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ Tổ chức có rừng trồng bị thiệt hại gửi văn bản đề nghị xác nhận theo Mẫu số 01 Phụ lục IC ban hành kèm theo Nghị định số 42/2026/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp xã bằng cách thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia; Bộ phận tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ, trả lời ngay tính hợp lệ của hồ sơ đối với hồ sơ nộp trực tiếp, trong thời hạn 01 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công Quốc gia; trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; b) Bước 2: Kiểm tra hiện trường Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành việc kiểm tra hiện trường để xác định trường hợp rừng trồng được thanh lý và mức độ thiệt hại của rừng trồng; Thành phần đoàn kiểm tra hiện trường gồm đại diện: Ủy ban nhân
67	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.		a) Trường hợp sử dụng đất kết hợp vào mục đích thương mại, dịch vụ Bước 1: Người có nhu cầu nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã. Đối với trường hợp đã có nội dung sử dụng đất lâm nghiệp kết hợp để xây dựng công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp được thể hiện ở phương án quản lý rừng bền vững và đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của khu rừng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thì người sử dụng đất không phải lập phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích. Khi nộp hồ sơ, người sử dụng đất được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức
68	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã		Bước 1: Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai nộp đơn đến Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ thì chuyển hồ sơ đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Bước 2: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm: - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn phải thông báo bằng văn bản cho các bên tranh chấp đất đai và Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai về việc thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai, trường hợp không thụ lý thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do. - Giao trách nhiệm cho cơ quan tham mưu giải quyết. Bước 3: Cơ quan tham mưu có nhiệm vụ thẩm tra, xác minh vụ việc, tổ chức hòa giải giữa các bên tranh chấp, tổ chức cuộc họp các ban, ngành có liên quan để tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai (nếu cần
69	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.		Bước 1: Người đề nghị nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Khi nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực. Trường hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ thì chuyển hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. Bước 2: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã thực hiện: - Đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cung cấp thông tin về cơ sở dữ liệu đất đai, lập trích lục bản đồ địa chính thửa đất đối với trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.
70	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận		Bước 1: Người sử dụng đất nộp hồ sơ tới Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp có biên bản họp giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với người sử dụng đất về việc tặng cho quyền sử dụng đất thì người sử dụng đất không phải nộp hồ sơ. Bước 2: Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã tổ chức thực hiện: - Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính thửa đất. - Chuyển hồ sơ đến Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý, cập nhật vào hồ sơ địa chính. Bước 3: Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu theo quy định đối với phần diện tích còn lại của thửa đất (nếu có).
71	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở		Bước 1: Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cá nhân khác có nhu cầu sử dụng đất nộp hồ sơ đề nghị giao đất ở (căn cứ vào quỹ đất đã được xác định vào mục đích đất ở theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã mà chưa giao tại địa phương thuộc trường hợp giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu giá quyền sử dụng đất ở cho cá nhân không thành do không có người tham gia). Bước 2: Cá nhân có nhu cầu sử dụng đất nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất. Bước 4: Hội đồng xét duyệt cá nhân đủ điều kiện giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để ban hành điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân.
72	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa		Bước 1: Người đề nghị nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ hành chính công. Khi nộp hồ sơ, người nộp hồ sơ được lựa chọn nộp bản sao giấy tờ và xuất trình bản chính để cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra, đối chiếu hoặc nộp bản chính giấy tờ hoặc nộp bản sao giấy tờ đã có công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực. Trường hợp nộp hồ sơ theo hình thức trực tuyến thì hồ sơ nộp phải được số hóa từ bản chính hoặc bản sao giấy tờ đã được công chứng, chứng thực. Trường hợp Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp nhận hồ sơ thì chuyển hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã. Bước 2: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã thực hiện: - Rà soát, kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực địa. - Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan xác định trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (nếu có).
73	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê		Bước 1: Người đề nghị nộp hồ sơ đến

1	0.0	Hoàng Hải	Phú tọa đồng tộc hạt nhiều	
2	0.0	Hoàng Hải	Phú tọa đồng tộc hạt nhiều	Version 2
3	0.0	0336457118	Phú tọa đồng tộc khác quốc tộc, người hạt nhiều, gia tộc vô cùng	
4	0.0	0336457	Phú tọa đồng tộc, gia tộc hạt	
5	0.0	0336458	Phú tọa, người, tộc, đồng tộc, hạt nhiều, gia tộc vô cùng,	
6	0.0	0336459	Phú tọa đồng tộc, tộc nhiều, hạt nhiều	
7	0.0	0336460	Phú tọa đồng tộc, người, tộc, đồng tộc, hạt nhiều, gia tộc vô cùng,	
8	0.0	0336461	Phú tọa đồng tộc, người, tộc, đồng tộc, hạt nhiều, gia tộc vô cùng,	
9	0.0	0336462	Phú tọa đồng tộc, người, tộc, đồng tộc, hạt nhiều, gia tộc vô cùng,	
10	0.0	0336463	Phú tọa đồng tộc, người, tộc, đồng tộc, hạt nhiều, gia tộc vô cùng,	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Hình thức nộp	Thời gian	Phí/Lệ phí	Mô tả
1	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	Trực tuyến	2 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú.
2	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	Bưu chính	2 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú.
3	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	Trực tiếp	2 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú.
4	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Trực tiếp	60 ngày	Phí: 0 VNĐ	
5	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Trực tuyến	45 ngày	Phí: 0 VNĐ	- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi.
6	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Trực tuyến	30 ngày		Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.
7	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Trực tiếp	45 ngày	Phí: 0 VNĐ	- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi.
8	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Trực tiếp	30 ngày		Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.
9	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Bưu chính	45 ngày	Phí: 0 VNĐ	- Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thu hồi.
10	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Bưu chính	30 ngày		Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.
11	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	Bưu chính	20 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.
12	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	Trực tiếp	20 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	Trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.
13	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Trực tuyến	Khác	Phí: 0 VNĐ	không quy định
14	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Bưu chính	Khác	Phí: 0 VNĐ	không quy định
15	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	Trực tiếp	Khác	Phí: 0 VNĐ	không quy định
16	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Trực tuyến	20 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
17	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Bưu chính	20 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
18	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	Trực tiếp	20 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
19	1.012222	Công nhận người có uy tín	Trực tuyến	20 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
20	1.012222	Công nhận người có uy tín	Bưu chính	20 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
21	1.012222	Công nhận người có uy tín	Trực tiếp	20 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
22	1.012592	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Trực tuyến	15 ngày	Phí: 0 VNĐ	Nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.
23	1.012592	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Bưu chính	15 ngày	Phí: 0 VNĐ	Nộp hồ sơ tqua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật Ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.
24	1.012592	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Trực tiếp	15 ngày	Phí: 0 VNĐ	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.
25	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	Trực tuyến	20 ngày	Phí: 0 VNĐ	Nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.
26	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	Bưu chính	20 ngày	Phí: 0 VNĐ	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật Ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.
27	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	Trực tiếp	20 ngày	Phí: 0 VNĐ	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.
28	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Trực tuyến	15 ngày	Phí: 0 VNĐ	
29	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Bưu chính	15 ngày	Phí: 0 VNĐ	
30	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Trực tiếp	15 ngày	Phí: 0 VNĐ	
31	1.012591	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Trực tuyến	15 ngày	Phí: 0 VNĐ	Nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến
32	1.012591	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Bưu chính	15 ngày	Phí: 0 VNĐ	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật, Ngày tiếp nhận văn bản đăng ký được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.
33	1.012591	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	Trực tiếp	15 ngày	Phí: 0 VNĐ	Nộp văn bản đăng ký trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận văn bản đăng ký, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.
34	1.012584	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	Trực tuyến	20 ngày	Phí: 0 VNĐ	Nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.
35	1.012584	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	Bưu chính	20 ngày	Phí: 0 VNĐ	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật Ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.
36	1.012584	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	Trực tiếp	20 ngày	Phí: 0 VNĐ	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả.
37	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Trực tuyến	20 ngày	Phí: 0 VNĐ	
38	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Bưu chính	20 ngày	Phí: 0 VNĐ	
39	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Trực tiếp	20 ngày	Phí: 0 VNĐ	
40	1.013796	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	Trực tuyến	25 ngày	Phí: 0 VNĐ	
41	1.013796	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	Bưu chính	25 ngày	Phí: 0 VNĐ	
42	1.013796	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	Trực tiếp	25 ngày	Phí: 0 VNĐ	
43	1.013798	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	Trực tuyến	25 ngày	Phí: 0 VNĐ	
44	1.013798	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	Bưu chính	25 ngày	Phí: 0 VNĐ	
45	1.013798	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	Trực tiếp	25 ngày	Phí: 0 VNĐ	
46	1.013797	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	Trực tuyến	25 ngày	Phí: 0 VNĐ	
47	1.013797	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	Bưu chính	25 ngày	Phí: 0 VNĐ	
48	1.013797	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	Trực tiếp	25 ngày	Phí: 0 VNĐ	
49	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Trực tuyến	Khác	Phí: 0 VNĐ	Việc chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật được thực hiện 2 lần trong năm: lần 1 chi trả vào tháng 9 hoặc tháng 10, tháng 11; lần 2 chi trả vào tháng 3 hoặc tháng 4, tháng 5. Việc chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập phải đảm bảo thuận tiện cho người khuyết tật đi học. Trường hợp người học chưa nhận được chế độ theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.
50	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Bưu chính	Khác	Phí: 0 VNĐ	Việc chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật được thực hiện 2 lần trong năm: lần 1 chi trả vào tháng 9 hoặc tháng 10, tháng 11; lần 2 chi trả vào tháng 3 hoặc tháng 4, tháng 5. Việc chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập phải đảm bảo thuận tiện cho người khuyết tật đi học. Trường hợp người học chưa nhận được chế độ theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.
51	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	Trực tiếp	Khác	Phí: 0 VNĐ	Việc chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật được thực hiện 2 lần trong năm: lần 1 chi trả vào tháng 9 hoặc tháng 10, tháng 11; lần 2 chi trả vào tháng 3 hoặc tháng 4, tháng 5. Việc chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập phải đảm bảo thuận tiện cho người khuyết tật đi học. Trường hợp người học chưa nhận được chế độ theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.
52	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Trực tuyến	24 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	Tối đa 24 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa. Việc chi trả kinh phí hỗ trợ ăn trưa được thực hiện 2 lần trong năm học do cơ sở giáo dục mầm non chi trả: lần 1 chi trả đủ 4 tháng vào tháng 11 hoặc tháng 12 hằng năm; lần 2 chi trả đủ các tháng còn lại vào tháng 3 hoặc tháng 4 hằng năm.
53	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Bưu chính	24 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	Tối đa 24 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa. Việc chi trả kinh phí hỗ trợ ăn trưa được thực hiện 2 lần trong năm học do cơ sở giáo dục mầm non chi trả: lần 1 chi trả đủ 4 tháng vào tháng 11 hoặc tháng 12 hằng năm; lần 2 chi trả đủ các tháng còn lại vào tháng 3 hoặc tháng 4 hằng năm.
54	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Trực tiếp	24 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	Tối đa 24 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa. Việc chi trả kinh phí hỗ trợ ăn trưa được thực hiện 2 lần trong năm học do cơ sở giáo dục mầm non chi trả: lần 1 chi trả đủ 4 tháng vào tháng 11 hoặc tháng 12 hằng năm; lần 2 chi trả đủ các tháng còn lại vào tháng 3 hoặc tháng 4 hằng năm.
55	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Trực tuyến	Khác	Phí: 0 VNĐ	- Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn. - Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định là 40 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học.
56	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Bưu chính	Khác	Phí: 0 VNĐ	- Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn. - Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định là 40 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học.
57	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Trực tiếp	Khác	Phí: 0 VNĐ	- Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập: Thời hạn ra quyết định là 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nhận đơn. - Đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập: Thời hạn ra quyết định là 40 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng năm học.
58	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Bưu chính	Khác	Phí: 0 VNĐ	Theo đợt, trước khi khai giảng năm học.
59	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	Trực tiếp	Khác	Phí: 0 VNĐ	Theo đợt, trước khi khai giảng năm học.
60	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Trực tuyến	24 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
61	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Bưu chính	24 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
62	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Trực tiếp	24 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
63	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Trực tuyến	20 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	- Trong thời hạn 20 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quyết định chuyển đổi. - Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và nêu rõ lý do.
64	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Bưu chính	20 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	- Trong thời hạn 20 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quyết định chuyển đổi. - Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và nêu rõ lý do.
65	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Trực tiếp	20 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	- Trong thời hạn 20 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền quyết định chuyển đổi. - Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã gửi văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và nêu rõ lý do.
66	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Trực tuyến	17 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	Tối đa 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục
67	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Bưu chính	17 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	Tối đa 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục
68	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Trực tiếp	17 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	Tối đa 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục
69	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Trực tuyến	10 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
70	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Bưu chính	10 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
71	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Trực tiếp	10 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
72	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	Trực tuyến	10 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
73	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	Bưu chính	10 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
74	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	Trực tiếp	10 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
75	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Trực tuyến	10 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
76	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Bưu chính	10 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
77	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Trực tiếp	10 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
78	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Trực tiếp	Khác	Phí: 0 VNĐ	Ủy ban nhân dân cấp xã đối chiếu, thẩm định hồ sơ của học sinh, sinh viên trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ. Khi hồ sơ hợp lệ, học sinh, sinh viên được cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác 02 lần trong năm học: lần 01 cấp cho 06 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11 hàng năm; lần 02 cấp cho 06 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4 năm sau (Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo công khai về thời gian cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác). Trường hợp học sinh, sinh viên chưa được nhận học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.
79	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Trực tiếp	Khác	Phí: 0 VNĐ	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập đối chiếu, thẩm định hồ sơ của học sinh, sinh viên trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ. Khi hồ sơ hợp lệ, học sinh, sinh viên được cấp học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác 02 lần trong năm học: lần 01 cấp cho 06 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11 hàng năm; lần 02 cấp cho 06 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4 năm sau

707	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Bưu chính	2 ngày làm việc	Lệ phí: 0 VNĐ (Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.)	
708	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Trực tiếp	2 ngày làm việc	Lệ phí: 0 VNĐ (Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Phí cấp bản sao Trích lục đăng ký chấm dứt giám hộ (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.)	
709	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Trực tuyến	5 Khác	Lệ phí: 0 VNĐ (Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.)	
710	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Bưu chính	5 Khác	Lệ phí: 0 VNĐ ((Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.))	
711	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Trực tiếp	5 Khác	Lệ phí: 0 VNĐ (Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật.)	
712	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Trực tiếp	Khác	Phí: 2.000 VND (/trang)	Tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ chức hành nghề công chứng: 2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính;
713	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Trực tiếp	Khác	Phí: 10 USD (/bản)	Tại cơ quan đại diện: 10 USD/bản.
714	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Trực tiếp	Khác	Phí: 10.000 VND (/trường hợp)	Tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ chức hành nghề công chứng: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).
715	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Trực tiếp	Khác	Phí: 10 USD (/bản)	Tại cơ quan đại diện: 10 USD/bản.
716	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Trực tuyến	5 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
717	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Bưu chính	5 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
718	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Trực tiếp	5 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
719	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Trực tiếp	Khác	Phí: 25.000 VND (/giao dịch)	
720	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Trực tuyến	Khác	Phí: 25.000 VND (/giao dịch)	
721	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Bưu chính	Khác	Phí: 25.000 VND (/giao dịch)	
722	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	Trực tiếp	Khác	Phí: 30.000 VND (/giao dịch)	
723	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	Trực tuyến	Khác	Phí: 30.000 VND (/giao dịch)	
724	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	Bưu chính	Khác	Phí: 30.000 VND (/giao dịch)	
725	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trực tuyến	1 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
726	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Bưu chính	1 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
727	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Trực tiếp	1 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
728	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Trực tiếp	5 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
729	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Trực tuyến	5 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
730	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Bưu chính	5 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
731	2.000992	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Trực tiếp	Khác	Phí: 10.000 VND (/trường hợp)	
732	2.001008	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Trực tiếp	Khác	Phí: 10.000 VND (/trường hợp)	
733	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	Trực tiếp	Khác	Phí: 2.000 VND (2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.)	
734	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Trực tiếp	Khác	Phí: 50.000 VND (/văn bản)	
735	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Trực tuyến	Khác	Phí: 50.000 VND (/văn bản)	
736	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Bưu chính	Khác	Phí: 50.000 VND (/văn bản)	
737	2.001019	Chứng thực di chúc	Trực tuyến	Khác	Phí: 50.000 VND (/di chúc)	
738	2.001019	Chứng thực di chúc	Trực tiếp	Khác	Phí: 50.000 VND (/di chúc)	
739	2.001019	Chứng thực di chúc	Bưu chính	Khác	Phí: 50.000 VND (/di chúc)	
740	2.001035	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Trực tuyến	Khác	Phí: 50.000 VND (/giao dịch)	Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thì không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản.
741	2.001035	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Trực tiếp	Khác	Phí: 50.000 VND (/giao dịch)	Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thì không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản.
742	2.001035	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Bưu chính	Khác	Phí: 50.000 VND (/giao dịch)	Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thì không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản.
743	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Trực tuyến	5 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	Cách thức thực hiện : Nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
744	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Bưu chính	5 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	Cách thức thực hiện : Nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
745	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Trực tiếp	5 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	Cách thức thực hiện : Nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã thông qua hình thức nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử. Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
746	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Trực tuyến	Khác	Lệ phí: 400.000 VND (Lệ phí : 400.000 Đồng (Mức thu lệ phí: 400.000đ/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS	Cách thức thực hiện : Người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Lưu ý: Trường hợp người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến đến đúng Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền theo quy định. Thời hạn giải quyết: - Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi: Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người
747	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Bưu chính	Khác	Lệ phí: 400.000 VND (Lệ phí : 400.000 Đồng (Mức thu lệ phí: 400.000đ/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS	Cách thức thực hiện : Người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Lưu ý: Trường hợp người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến đến đúng Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền theo quy định. Thời hạn giải quyết: - Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi: Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người
748	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Trực tiếp	Khác	Lệ phí: 400.000 VND (Mức thu lệ phí: 400.000đ/trường hợp. Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo	Cách thức thực hiện : Người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết thông qua hình thức nộp trực tiếp, gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc nộp trực tuyến theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Lưu ý: Trường hợp người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thẩm quyền giải quyết việc nuôi con nuôi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến đến đúng Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền theo quy định. Thời hạn giải quyết: - Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi: Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi ở hiện tại khác nhau, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người
749	2.001406	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Trực tiếp	Khác	Phí: 50.000 VND (/văn bản)	
750	2.001406	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Trực tuyến	Khác	Phí: 50.000 VND (/văn bản)	
751	2.001406	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Bưu chính	Khác	Phí: 50.000 VND (/văn bản)	
752	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Trực tiếp	5 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
753	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Trực tuyến	5 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
754	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Bưu chính	5 ngày làm việc	Phí: 0 VNĐ	
755	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Trực tuyến	5 Khác	Lệ phí: 0 VNĐ (Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.)	
756	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Bưu chính	5 Khác	Lệ phí: 0 VNĐ (Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.)	
757	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Trực tiếp	5 Khác	Lệ phí: 0 VNĐ (Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định. Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. Phí cấp bản sao Trích lục ghi chú kết hôn (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.)	
758	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Trực tuyến	1 Khác	Phí: 0 VNĐ	1. Cách thức thực hiện: - Người yêu cầu bồi thường có thể nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại trụ sở cơ quan giải quyết bồi thường/Bộ phận Một cửa. - Người yêu cầu bồi thường nhận quyết định giải quyết bồi thường ngay tại buổi thương lượng. 2. Thời hạn giải quyết hồ sơ: - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ của người yêu cầu bồi thường cụ thể như sau: + Trong trường hợp người yêu cầu bồi thường nộp hồ sơ trực tiếp, cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận hồ sơ và cấp giấy tiếp nhận hồ sơ cho người yêu cầu bồi thường. + Trường hợp hồ sơ được gửi qua dịch vụ bưu chính thì cơ quan giải quyết bồi thường tiếp nhận để xử lý hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ được gửi trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc người yêu cầu bồi thường nộp trực tiếp/gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Một cửa thì việc
759	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bưu chính	1 Khác	Phí: 0 VNĐ	1. Cách thức thực hiện: - Người yêu cầu bồi thường có thể nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại trụ sở cơ quan giải quyết bồi thường/Bộ phận Một cửa. - Người yêu cầu bồi thường nhận quyết định giải quyết bồi thường ngay tại buổi thương lượng. 2. Thời hạn giải quyết hồ sơ: - Cơ quan tiếp nhận hồ sơ của người yêu cầu bồi thường cụ thể như sau:

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã TPHS	Tên giấy tờ	Loại giấy tờ	Cơ quan ban hành TPHS	Bản chính	Bản sao	BM điện tử
1	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	000.00.00.G01-KQ004559	Tờ khai xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13/02/2026 của Chính phủ)	Tờ khai	Bộ Công an	1	0	Có
2	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	000.00.00.G02-KQ004832	- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản, đánh giá tình trạng tài sản – nếu có): 01 bản chính		Bộ Công thương	1	0	Không
3	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	000.00.00.G02-KQ004831	- Văn bản đề nghị được giao tài sản: 01 bản chính		Bộ Công thương	1	0	Không
4	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	000.00.00.G02-KQ004834	- Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công): 01 bản chính		Bộ Công thương	1	0	Không
5	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	000.00.00.G02-KQ004829	- Tờ trình của chủ đầu tư dự án/đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc giao tài sản cho đối tượng quản lý: 01 bản chính		Bộ Công thương	1	0	Không
6	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	000.00.00.G02-KQ004830	- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng: 01 bản chính		Bộ Công thương	1	0	Không
7	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	000.00.00.G02-KQ004836	- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có)		Bộ Công thương	0	1	Không
8	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	000.00.00.G02-KQ004833	- Biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư xây dựng mới): 01 bản chính		Bộ Công thương	1	0	Không
9	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	000.00.00.G02-KQ004835	- Hồ sơ hoàn công (đối với công trình đầu tư xây dựng mới)		Bộ Công thương	0	1	Không
10	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	000.00.00.G02-KQ004838	Danh mục tài sản đề nghị thu hồi (tên tài sản, địa chỉ, loại hình công trình, năm xây dựng, năm đưa vào sử dụng, diện tích, số điểm kinh doanh tại chợ, giá trị tài sản): 01 bản chính.Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao		Bộ Công thương	1	0	Không
11	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	000.00.00.G02-KQ004837	Văn bản đề nghị thu hồi tài sản (trong đó xác định cụ thể tài sản thu hồi thuộc trường hợp nào theo quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 28 Nghị định số Nghị định số 60/2024/NĐ-CP): 01 bản chính		Bộ Công thương	1	0	Không
12	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	000.00.00.G02-KQ0636	Tờ trình đề nghị phê duyệt phương án		Bộ Công thương	1	0	Không
13	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	000.00.00.G02-KQ0640	Các tài liệu khác liên quan kèm theo (nếu có)		Bộ Công thương	0	0	Không
14	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	000.00.00.G02-KQ0639	Văn bản góp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan		Bộ Công thương	1	0	Không
15	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	000.00.00.G02-KQ0637	Dự thảo phương án		Bộ Công thương	1	0	Không
16	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	000.00.00.G02-KQ0638	Báo cáo kết quả tính toán kỹ thuật		Bộ Công thương	1	0	Không
17	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	000.00.00.G02-KQ004794	+) Lần đầu: 01 Thông báo thực hiện bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên theo Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP	Tờ khai	Bộ Công thương	1	0	Không
18	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	000.00.00.G02-KQ004795	+) Trường hợp sửa đổi bổ sung thông báo: 01 thông báo sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP.	Tờ khai	Bộ Công thương	1	0	Không
19	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	000.00.00.G21-KQ000079	BIÊN BẢN HỌP LIÊN TỊCH THÔN Đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
20	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	000.00.00.G21-KQ000264	Bản tổng hợp danh sách đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín (theo Mẫu số 02 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 124/2025/NĐ-CP)		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
21	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	000.00.00.G21-KQ000077	BIÊN BẢN KIỂM TRA Kết quả bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín năm		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
22	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	000.00.00.G21-KQ000080	BIÊN BẢN KIỂM TRA Đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
23	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	000.00.00.G21-KQ000076	BIÊN BẢN HỌP LIÊN TỊCH THÔN Bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
24	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	000.00.00.G21-KQ000078	ĐƠN ĐỀ NGHỊ Rút khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
25	1.012222	Công nhận người có uy tín	000.00.00.G21-KQ000074	TỔNG HỢP DANH SÁCH Bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
26	1.012222	Công nhận người có uy tín	000.00.00.G21-KQ000073	BIÊN BẢN KIỂM TRA Kết quả bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín năm		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
27	1.012222	Công nhận người có uy tín	000.00.00.G21-KQ000072	BIÊN BẢN HỌP LIÊN TỊCH THÔN Bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
28	1.012222	Công nhận người có uy tín	000.00.00.G21-KQ000071	BIÊN BẢN HỘI NGHỊ DÂN CƯ THÔN Đề cử người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
29	1.012592	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	000.00.00.G09-KQ001831	Văn bản đăng ký hoạt động tín ngưỡng hằng năm hoặc hoạt động tín ngưỡng bổ sung (Mẫu B1, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).	Tờ khai	Bộ Nội vụ	1	0	Không
30	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	000.00.00.G21-KQ001803	+ Bản sao văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung lần đầu (trường hợp có kết quả giải quyết đã tích hợp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của Bộ Dân tộc và Tôn giáo thì sử dụng dữ liệu thay thế không phải nộp kèm bản sao).	Khác	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
31	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	000.00.00.G21-KQ001801	+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung (trường hợp giấy tờ chứng minh địa điểm hợp pháp có thành phần là bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu về Đất đai để thay thế)	Khác	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
32	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	000.00.00.G21-KQ001800	Văn bản đăng ký (theo mẫu B7)	Tờ khai	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Có
33	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	000.00.00.G21-KQ001802	+ Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi địa điểm đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo do tổ chức đăng ký;	Khác	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Có
34	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	000.00.00.G21-KQ000237	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung là người Việt Nam (Mẫu B6, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Phụ lục II, Nghị định số 124/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ).		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
35	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	000.00.00.G09-KQ001812	Sơ yếu lý lịch của người đại diện mới		Bộ Nội vụ	1	0	Không
36	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	000.00.00.G09-KQ001814	Biên bản cuộc họp bầu, cử người đại diện mới (nếu có).		Bộ Nội vụ	1	0	Không
37	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	000.00.00.G09-KQ001813	Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi người đại diện đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung do tổ chức đăng ký;		Bộ Nội vụ	1	0	Không
38	1.012591	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	000.00.00.G09-KQ001830	Văn bản đăng ký hoạt động tín ngưỡng hằng năm hoặc hoạt động tín ngưỡng bổ sung (Mẫu B1, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).	Tờ khai	Bộ Nội vụ	1	0	Không
39	1.012584	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	000.00.00.G21-KQ001802	+ Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi địa điểm đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo do tổ chức đăng ký;	Khác	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Có
40	1.012584	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	000.00.00.G21-KQ001800	Văn bản đăng ký (theo mẫu B7)	Tờ khai	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Có
41	1.012584	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	000.00.00.G21-KQ001801	+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung (trường hợp giấy tờ chứng minh địa điểm hợp pháp có thành phần là bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu về Đất đai để thay thế)	Khác	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Có
42	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	000.00.00.G21-KQ000236	Sơ yếu lý lịch		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
43	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	000.00.00.G21-KQ001827	Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp và cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đào tạo; (Nếu giấy tờ chứng minh địa điểm hợp pháp có thành phần là bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thì sử dụng dữ liệu trên cơ sở dữ liệu về Đất đai để thay thế)	Khác	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
44	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	000.00.00.G21-KQ001829	Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật đối với việc đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	Khác	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Không
45	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	000.00.00.G21-KQ001826	Văn bản đăng ký (theo mẫu B5)	Khác	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	0	Có
46	1.013796	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	000.00.00.G21-KQ000214	- Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị (theo mẫu); + Chương trình tổ chức đại hội; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; + Báo cáo tổng kết hoạt động của tổ chức; + Dự thảo hiến chương hoặc hiến chương sửa đổi (nếu có). - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	1	Không
47	1.013796	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	000.00.00.G21-KQ000215	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị về việc tổ chức đại hội (Mẫu B33 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ, được sửa đổi tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ).		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	1	Không
48	1.013798	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	000.00.00.G21-KQ000218	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký (Mẫu B35 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ, được sửa đổi tại Phụ lục II Nghị định 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ).		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	1	Không
49	1.013798	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	000.00.00.G21-KQ000219	- Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị (theo mẫu); + Chương trình tổ chức; nội dung; thành phần tham dự. - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	1	Không
50	1.013797	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	000.00.00.G21-KQ000216	- Thành phần hồ sơ: + Văn bản đề nghị (theo mẫu); + Chương trình tổ chức cuộc lễ; dự kiến thành phần tham dự cuộc lễ. - Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	1	Không
51	1.013797	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	000.00.00.G21-KQ000217	Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký (Mẫu B34 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ, được sửa đổi tại Phụ lục II Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ).		Bộ Dân tộc và Tôn giáo	1	1	Không
52	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	G03-KQ002263	Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do ủy ban nhân dân xã (bản sao có công chứng)		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	1	Không
53	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	000.00.00.G03-KQ0443	Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng)		Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
54	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	000.00.00.G03-KQ1100	Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng)		Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
55	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	000.00.00.G03-KQ0446	Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng)		Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
56	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	000.00.00.G03-KQ0445	Đơn có xác nhận của nhà trường (theo mẫu tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 42)	Giấy tờ cá nhân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không
57	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	000.00.00.G03-KQ1301	Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận nuôi con nuôi đối với trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ em thuộc các trường hợp khác quy định khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội		Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
58	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	000.00.00.G03-KQ1300	Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ sở bảo trợ xã hội về tình trạng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ thuộc các trường hợp khác quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội		Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
59	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	000.00.00.G03-KQ1299	Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện		Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
60	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	000.00.00.G03-KQ1303	Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng người có công và Giấy khai sinh của trẻ em. (Cơ quan giải quyết TTHC khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về hộ tịch để thay thế thành phần hồ sơ Bản sao Quyết định về việc trợ cấp xã hội, Bản sao xác nhận về tình trạng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ thuộc các trường hợp khác quy định, Giấy chứng nhận nuôi con nuôi. Trường hợp Cơ quan giải quyết TTHC không khai thác được hoặc khai thác không đầy đủ dữ liệu công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về hộ tịch, Cơ quan giải quyết TTHC yêu cầu công dân bổ sung Bản sao Quyết định về việc trợ cấp xã hội, Bản sao xác nhận về tình trạng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ thuộc các trường hợp khác quy định, Giấy chứng nhận nuôi con nuôi theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày	Bản Sao	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
61	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	000.00.00.G03-KQ1302	Bản sao và mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận hoặc Giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp		Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
62	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	000.00.00.G03-KQ001474	Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. (Cơ quan giải quyết TTHC khai thác, sử dụng thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về hộ tịch để thay thế thành phần hồ sơ Bản sao Quyết định về việc trợ cấp xã hội, Bản sao xác nhận về tình trạng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ thuộc các trường hợp khác quy định, Giấy chứng nhận nuôi con nuôi. Trường hợp Cơ quan giải quyết TTHC không khai thác được hoặc khai thác không đầy đủ dữ liệu công dân trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về hộ tịch, Cơ quan giải quyết TTHC yêu cầu công dân bổ sung Bản sao Quyết định về việc trợ cấp xã hội, Bản sao xác nhận về tình trạng trẻ mồ côi, bị bỏ rơi hoặc trẻ thuộc các trường hợp khác quy định, Giấy chứng nhận nuôi con nuôi theo quy định tại Điều 8 Nghị	Bản Sao	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
63	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	000.00.00.G03-KQ001493	Cung cấp thông tin về số định danh cá nhân của trẻ em hoặc của cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	1	Không
64	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	000.00.00.G03-KQ001494	Bản sao của một trong các loại giấy tờ: Thẻ Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trong trường hợp cơ quan, tổ chức không thể khai thác được thông tin cư trú của công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư		Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
65	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	000.00.00.G03-KQ0622	Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (theo mẫu)	Giấy tờ cá nhân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không
66	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	000.00.00.G03-KQ001499	Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không
67	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	000.00.00.G03-KQ001501	Bản sao chứng thực hoặc bản chụp/photo kèm bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp trung học cơ sở tạm thời		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không
68	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	000.00.00.G03-KQ001500	Học bạ cấp trung học cơ sở		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không
69	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	000.00.00.G03-KQ001498	Học bạ cấp tiểu học hoặc các hồ sơ khác có giá trị thay thế học bạ		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không
70	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	000.00.00.G03-KQ001502	Giấy xác nhận chế độ ưu tiên do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không
71	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	000.00.00.G03-KQ1306	Đơn đề nghị trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp (Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP) có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động nơi cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em đang công tác	Giấy tờ cá nhân	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không
72	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	000.00.00.G03-KQ001495	Giấy khai sinh (Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực). (Cơ quan giải quyết TTHC khai thác, sử dụng thông tin đã có trong CSDL quốc gia về Đất đai để thay thế thành phần hồ sơ Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường mầm non với thời hạn tối thiểu 05 năm. Trường hợp Cơ quan giải quyết TTHC không khai thác được hoặc khai thác không đầy đủ dữ liệu trên CSDL quốc gia về Đất đai, Cơ quan giải quyết TTHC yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung Bản sao các văn bản pháp lý chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà hoặc hợp đồng thuê địa điểm trường mầm non với thời hạn tối thiểu 05 năm theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu)	Bản Sao	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
73	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	000.00.00.G03-KQ1290	Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của nhà trường (nếu có).		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không
74	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	000.00.00.G03-KQ1295	Quyết định thành lập cơ sở giáo dục phổ thông tư thục, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục và các tài liệu liên quan khác (nếu có)		Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
75	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	000.00.00.G03-KQ1291	Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục phổ thông tư thục chuyển sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục phổ thông tư thục		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không
76	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	000.00.00.G03-KQ1294	Báo cáo đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không
77	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	000.00.00.G03-KQ1292	Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không
78	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	000.00.00.G03-KQ1293	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu biên bản thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục phổ thông tư thục chuyển đổi sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận		Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	1	Không
79	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	000.00.00.G03-KQ1309	Danh sách giáo viên được hưởng chính sách (Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP)	Bản ghi	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	0	Không

1	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
2	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
3	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
4	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
5	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
6	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
7	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
8	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
9	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
10	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
11	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
12	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
13	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
14	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
15	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
16	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
17	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
18	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
19	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không
20	21/10/25	Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lái xe do thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy phép lái xe (thay đổi họ, chữ đệm, tên của người có tên gọi khác; thay đổi, bổ sung thông tin về nơi cư trú; thay đổi, bổ sung số CMND, số định danh cá nhân)	BO0.000.001.01.0.00001.251021.0.2000137	Bộ hồ sơ cấp lại giấy phép lái xe gồm: - Giấy đề nghị cấp lại giấy phép lái xe theo mẫu quy định tại Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an; - Giấy phép lái xe đã được cấp.		Bộ Công nghiệp và Mỹ thuật Hồng			Không

2760	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	TP-G17.000146	Đối với dự án sửa chữa, cải tạo, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung: Hồ sơ khảo sát hiện trạng, Báo cáo kiểm định của tổ chức kiểm định xây dựng đánh giá về khả năng chịu lực của công trình (trường hợp nội dung sửa chữa, cải tạo có liên quan).	Bản Chính	Bộ Xây dựng	1	0	Có
2761	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	TP-G17.000147	Đối với hồ sơ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh, ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên còn phải làm rõ các nội dung sau: + Lý do, mục tiêu điều chỉnh dự án, việc đáp ứng điều kiện điều chỉnh dự án theo pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, dự án PPP; + Báo cáo của chủ đầu tư hoặc cơ quan chuẩn bị dự án về quá trình thực hiện dự án, tình hình thực tế thi công các công trình xây dựng của dự án đến thời điểm đề xuất điều chỉnh.	Bản Chính	Bộ Xây dựng	1	0	Có
2762	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	TP-G17.000148	Ngoài các hồ sơ nêu trên, đối với các công trình xây dựng mới từ cấp II trở lên, người đề nghị thẩm định có trách nhiệm cung cấp dữ liệu BIM được nộp theo các định dạng chuẩn mở IFC hoặc các định dạng mở khác phù hợp với đặc thù, tính chất của công trình (trừ trường hợp người quyết định đầu tư quyết định việc không áp dụng BIM đối với dự án đầu tư xây dựng công trình theo tuyến, dự án đầu tư xây dựng tại khu vực có tính chất đặc thù, dự án có yêu cầu bảo đảm bí mật nhà nước).	Bản Chính	Bộ Xây dựng	1	0	Có
2763	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	TP-G17.000127	Báo cáo nghiên cứu khả thi (gồm thuyết minh và hồ sơ thiết kế xây dựng được lập tại Báo cáo nghiên cứu khả thi); Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP (nếu có);	Bản Chính	Bộ Xây dựng	1	0	Có
2764	1.014159	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	TP-G17.000040	Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn/thông tin hồ sơ cắm mốc	Tờ khai	Bộ Xây dựng	1	0	Có
2765	1.014158	Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003326	+ Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn;		Bộ Xây dựng	1	0	Không
2766	1.014158	Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003328	+ Hồ sơ bản giấy: Thuyết minh; Dự thảo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch; Các văn bản, tài liệu liên quan; Bản vẽ.		Bộ Xây dựng	1	0	Không
2767	1.014158	Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003327	+ Báo cáo thẩm định quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn của cơ quan thẩm định.		Bộ Xây dựng	1	0	Không
2768	1.014158	Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003325	+ Hồ sơ điện tử: Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành một phần của hồ sơ quy hoạch bản giấy; Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử; Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc.		Bộ Xây dựng	1	0	Không
2769	1.014158	Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003330	+ Hồ sơ bản giấy: Thuyết minh; Các văn bản, tài liệu liên quan; Bản vẽ.		Bộ Xây dựng	1	0	Không
2770	1.014158	Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003329	+ Văn bản của nhà đầu tư gửi cấp phê duyệt quy hoạch chi tiết hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền để đề nghị chấp thuận.		Bộ Xây dựng	1	0	Không
2771	1.014158	Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003331	+ Hồ sơ điện tử: Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành một phần của hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng bản giấy; Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử; Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc.		Bộ Xây dựng	1	0	Không
2772	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003319	+ Hồ sơ điện tử: Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành một phần của hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch bản giấy; Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử; Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc.		Bộ Xây dựng	1	1	Không
2773	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003321	+ Báo cáo thẩm định nhiệm vụ quy hoạch hoặc nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch của cơ quan thẩm định.		Bộ Xây dựng	1	0	Không
2774	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003322	+ Hồ sơ bản giấy gồm: Thuyết minh; Dự thảo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch hoặc điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch; Các văn bản, tài liệu liên quan; Bản vẽ.		Bộ Xây dựng	1	0	Không
2775	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003320	+ Tờ trình đề nghị phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch hoặc điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn.		Bộ Xây dựng	1	0	Không
2776	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	TP-G17.000045	Hồ sơ bản giấy, bao gồm: Tờ trình, thuyết minh và bản vẽ trong hồ sơ quy hoạch đô thị và nông thôn	Bản Chính	Bộ Xây dựng	1	0	Có
2777	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003310	Hồ sơ điện tử: Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành một phần của hồ sơ bản giấy; Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử; Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc		Bộ Xây dựng	1	0	Có
2778	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	G17-KQ003319	+ Hồ sơ điện tử: Cơ sở dữ liệu số cơ bản là các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành một phần của hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch bản giấy; Cơ sở dữ liệu số pháp lý bao gồm các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử; Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc.		Bộ Xây dựng	1	1	Không
2779	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	TP-G17.000041	Hồ sơ bản giấy, bao gồm: Tờ trình, thuyết minh và bản vẽ trong hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn	Bản Chính	Bộ Xây dựng	1	0	Có
2780	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	G17-KQ005445	Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	Chứng cứ chứng minh	Bộ Xây dựng	1	1	Không
2781	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	G17-KQ005446	Giấy tờ chứng minh điều kiện về nhà ở để được mua, thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân (trường hợp có nhà ở nhưng diện tích nhà ở bình quân đầu người thấp hơn 15m2 sàn/người).	Chứng cứ chứng minh	Bộ Xây dựng	1	1	Không
2782	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	G17-KQ005447	Giấy tờ chứng minh điều kiện vay vốn ưu đãi của Nhà nước thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	Chứng cứ chứng minh	Bộ Xây dựng	1	1	Không
2783	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	G17-KQ005448	Giấy tờ chứng minh điều kiện vay vốn ưu đãi của Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước chỉ định để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	Chứng cứ chứng minh	Bộ Xây dựng	1	1	Không
2784	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	G17-KQ005449	Giấy tờ chứng minh đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (áp dụng cho các đối tượng quy định tại các khoản 9, 10, 11 Điều 76 của Luật Nhà ở và đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả)	Chứng cứ chứng minh	Bộ Xây dựng	1	1	Không
2785	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	G17-KQ005450	Giấy tờ chứng minh đối tượng, thu nhập để được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội (áp dụng cho các đối tượng quy định tại các khoản 5, 6, 8 Điều 76 của Luật Nhà ở, trừ đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả)	Chứng cứ chứng minh	Bộ Xây dựng	1	1	Không
2786	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	G17-KQ005451	Giấy tờ chứng minh điều kiện về thu nhập để được mua, thuê mua nhà ở xã hội (áp dụng cho đối tượng quy định tại khoản 5 Điều 76 của Luật Nhà ở không có hợp đồng lao động, không được hưởng lương hưu do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả)	Bản sao chứng thực	Bộ Xây dựng	1	1	Không
2787	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	000.00.00.G04-KQ004656	- Đơn đề nghị theo Mẫu.	Tờ khai	Bộ Xây dựng	1	1	Không
2788	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	000.00.00.G04-KQ004653	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo Mẫu và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện đã được cấp trước đó.	Tờ khai	Bộ Xây dựng	1	0	Không
2789	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	000.00.00.G04-KQ004652	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện theo Mẫu, trong đó nêu rõ lý do và chịu trách nhiệm về tính trung thực nội dung khai báo.	Tờ khai	Bộ Xây dựng	1	0	Không
2790	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	000.00.00.G04-KQ004628	+ Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử sơ đồ vị trí thiết lập báo hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải hoặc sơ đồ bố trí phao và cờ hiệu đối với trường hợp vùng hoạt động không giáp ranh với vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải.	Giấy tờ cá nhân	Bộ Xây dựng	1	1	Không
2791	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	000.00.00.G04-KQ004627	+ Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị theo Mẫu;	Tờ khai	Bộ Xây dựng	1	0	Không
2792	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	000.00.00.G04-KQ004630	+ Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử Phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và ngăn ngừa ô nhiễm môi trường;	Giấy tờ cá nhân	Bộ Xây dựng	1	1	Không
2793	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	000.00.00.G04-KQ004631	+ Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử bản vẽ hoàn công công trình, bao gồm cả bản đồ hoặc bản đồ thể hiện vị trí.	Giấy tờ cá nhân	Bộ Xây dựng	1	1	Không
2794	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	000.00.00.G04-KQ004629	+ Bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử quyết định phê duyệt dự án (nếu có);	Quyết định	Bộ Xây dựng	1	1	Không
2795	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa,	000.00.00.G04-KQ004634	+ Bản chính hoặc bản điện tử hoặc bản sao điện tử phương án bảo đảm an ninh, an toàn, cứu hộ, cứu nạn và	Giấy tờ cá nhân	Bộ Xây dựng	1	1	Không

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Mã kết quả	Tên kết quả	Cơ quan ban hành KQTH	Mô tả
1	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	KQ.G01.000173	Xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú	Bộ Công an	
2	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	KQ.G01.000686	Xác nhận tình trạng chỗ ở hợp pháp, diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú	Bộ Công an	
3	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	KQ.G02.000348	Quyết định giao tài sản		
4	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	KQ.G02.000349	Bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý	Bộ Công thương	
5	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	KQ.G02.000350	Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ		
6	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	KQ.G02.000459	văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ không phù hợp (nêu rõ lý do)	Bộ Công thương	
7	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	KQ.G02.000025	Quyết định phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy điện	Bộ Công thương	
8	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	KQ.G02.000351	Tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên sau khi thông báo	Bộ Công thương	
9	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	KQ.G21.000156	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đưa ra khỏi danh sách danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
10	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	KQ.G21.000157	Danh sách đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
11	1.012222	Công nhận người có uy tín	KQ.G21.000133	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã công nhận, phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã.	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
12	1.012222	Công nhận người có uy tín	KQ.G21.000155	Danh sách công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
13	1.012592	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	KQ.G21.000174	Văn bản trả lời về việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
14	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	KQ.G21.000171	Văn bản trả lời về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
15	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	KQ.G21.000134	Văn bản trả lời về việc đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung.	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
16	1.012591	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	KQ.G21.000173	Văn bản trả lời về việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng bổ sung.	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
17	1.012584	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	KQ.G21.000171	Văn bản trả lời về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
18	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	KQ.G21.000213	Văn bản trả lời chấp thuận việc đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.		
19	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	KQ.G21.000214	Hoặc Văn bản trả lời không chấp thuận việc đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
20	1.013796	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	KQ.G21.000116	Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc tổ chức đại hội.	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
21	1.013798	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	KQ.G21.000118	Văn bản trả lời về việc giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách,cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký.	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
22	1.013797	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	KQ.G21.000117	Văn bản trả lời về việc tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký,	Bộ Dân tộc và Tôn giáo	
23	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	KQ.G03.000083	Người khuyết tật được chi trả học bổng và hỗ trợ chi phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật theo định mức quy định	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục
24	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	KQ.G03.000423	Danh sách trẻ em mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa do UBND cấp xã phê duyệt	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
25	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	KQ.G03.000204	Quyết định phê duyệt danh sách trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được hưởng hỗ trợ học tập.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Quyết định phê duyệt danh sách trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được hưởng hỗ trợ học tập - Kinh phí hỗ trợ học tập theo định mức quy định.
26	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	KQ.G03.000108	Danh sách thí sinh được tuyển vào học tại trường phổ thông dân tộc nội trú	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT)
27	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	KQ.G03.000424	Danh sách trẻ em mầm non được hưởng trợ cấp do UBND cấp xã phê duyệt	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
28	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	KQ.G03.000406	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc chuyển đổi trường tiểu học tư thục/trường trung học cơ sở tư thục/trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường tiểu học tư thục/trường trung học cơ sở tư thục/trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động không vì lợi nhuận.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
29	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	KQ.G03.000425	Danh sách giáo viên được hưởng chính sách	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
30	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	KQ.G03.000428	Quyết định phê duyệt danh sách được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo đúng đối tượng quy định	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
31	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	KQ.G03.000427	Quyết định phê duyệt danh sách được hưởng chế độ miễn, giảm học phí theo đúng đối tượng quy định	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
32	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	KQ.G03.000428	Quyết định phê duyệt danh sách được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập theo đúng đối tượng quy định	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
33	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	KQ.G03.000484	Học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác được cấp cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
34	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	KQ.G03.000482	Học bổng chính sách và các khoản hỗ trợ khác được cấp cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
35	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí	KQ.G03.000350	Thông báo tiếp nhận hoặc không tiếp nhận hồ sơ, lý do cho cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em nhà trẻ	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
36	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	KQ.G03.000188	Học sinh được tuyển vào học lớp 6	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Học sinh được tuyển vào học lớp 6
37	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	KQ.G03.000349	Thông báo công khai danh sách học sinh bán trú, học viên bán trú.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
38	1.014451	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ; nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	KQ.G06.000845	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ theo Mẫu số I.13 Phụ lục I Nghị định số 268/2025/NĐ-CP	Bộ Khoa học và Công nghệ	
39	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất	KQ.G10.001281	Kết quả của thủ tục Đăng ký khai thác nước dưới đất theo Mẫu 34a và Mẫu 34b tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 23/2026/NĐ-CP		
40	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	KQ.G10.000122	Quyết định phê duyệt quy trình vận hành		Sau khi có kết quả phương án được phê duyệt đề nghị UBND cấp xã gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để biết và theo dõi
41	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	KQ.G10.000172	Quyết định phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
42	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	KQ.G10.000124	Quyết định phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
43	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	KQ.G10.000185	Quyết định phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
44	1.005471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	KQ.G10.000125	Đề cương, kết quả kiểm định được phê duyệt		Sau khi có kết quả phương án được phê duyệt đề nghị UBND cấp xã gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để biết và theo dõi
45	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	KQ.G10.000127	Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04/8/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
46	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	KQ.G10.000882	Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
47	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	KQ.G10.000128	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 33/2026/TT-BNNMT ngày 04/8/2026	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
48	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	KQ.G10.000136	Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên theo Mẫu số 09 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
49	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	KQ.G10.000135	Giấy xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục CITES; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng theo Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 88/2025/TT-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
50	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	KQ.G10.001401	Báo cáo kết quả thẩm định.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Báo cáo kết quả thẩm định.
51	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	KQ.G10.000535	Văn bản chấp thuận chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP		
52	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	KQ.G10.000536	Văn bản không chấp thuận bản đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo mẫu Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP		
53	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	KQ.G10.000173	Quyết định hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho đối tượng được hưởng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
54	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	KQ.G10.001109	Quyết định trợ cấp tai nạn, tiền tuất cho đối tượng được hưởng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
55	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	KQ.G10.000720	Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp		
56	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	KQ.G10.000721	Văn bản của UBND cấp xã trả lời ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường (nếu có)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
57	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	KQ.G10.000955	Quyết định phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường/thu thập mẫu vật loài thực vật rừng thông thường theo Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT		
58	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	KQ.G10.001156	Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm		
59	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	KQ.G10.001151	Quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (mẫu số 2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg)		
60	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	KQ.G10.001267	Kết quả của thủ tục Chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước theo Mẫu 27 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 23/2026/NĐ-CP		
61	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	KQ.G10.001150	Quyết định công nhận danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm		
62	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	KQ.G10.001158	Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm		
63	1.012531	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	KQ.G10.001390	Quyết định hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
64	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	KQ.G10.000935	Quyết định hình thức sử dụng đất.		
65	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	H37.003	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	UBND tỉnh Lạng Sơn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
66	1.012694	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	KQ.G10.001400	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo Mẫu số 26 Phụ lục IIA ban hành kèm theo Nghị định số 422026NĐCP
67	1.012766	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng	KQ.G10.001147	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
68	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	KQ.G10.001147	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
69	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai	KQ.G13.000291	- Biên bản hòa giải được gửi cho các bên tranh chấp và lưu tại UBND cấp xã.		
70	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	H37.003	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	UBND tỉnh Lạng Sơn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
71	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	KQ.G10.001149	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
72	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	KQ.G10.001147	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
73	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	KQ.G10.000524	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
74	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	KQ.G10.000523	Hỗ trợ cung cấp vật tư, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
75	1.012922	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	KQ.G10.001399	Biên bản kiểm tra hiện trường xác định trường hợp, thiệt hại rừng trồng		
76	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	KQ.G10.000910	Phương án sử dụng đất kết hợp đối với trường hợp phê duyệt lần đầu		
77	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	KQ.G10.000913	Văn bản trả lời đối với trường hợp không chấp thuận gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp		
78	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	KQ.G10.000912	Phương án sử dụng đất kết hợp được gia hạn đối với trường hợp xin gia hạn		
79	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	KQ.G10.000911	Văn bản trả lời đối với trường hợp không chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
80	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	KQ.G10.000916	Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
81	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	KQ.G10.000872	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
82	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	H37.003	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	UBND tỉnh Lạng Sơn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
83	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư	KQ.G10.000873	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
84	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	KQ.G10.000923	Chỉnh lý, cập nhật vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
85	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	KQ.G10.000915	Quyết định giao đất.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
86	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	KQ.G10.000872	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
87	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	H37.003	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	UBND tỉnh Lạng Sơn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
88	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	KQ.G10.000870	Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất		
89	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	H37.003	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	UBND tỉnh Lạng Sơn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
90	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	KQ.G10.000921	Thông báo xác nhận kết quả đăng ký đất đai.		
91	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	H37.003	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	UBND tỉnh Lạng Sơn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.
92	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	KQ.G10.000868	Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất và giao rừng, cho thuê đất và cho thuê rừng	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
93	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử	H37.003	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	UBND tỉnh Lạng Sơn	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

1	1000000	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
2	1000001	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
3	1000002	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
4	1000003	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
5	1000004	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
6	1000005	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
7	1000006	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
8	1000007	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
9	1000008	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
10	1000009	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
11	1000010	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
12	1000011	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
13	1000012	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
14	1000013	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
15	1000014	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
16	1000015	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
17	1000016	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
18	1000017	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
19	1000018	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
20	1000019	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
21	1000020	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
22	1000021	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
23	1000022	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
24	1000023	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
25	1000024	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
26	1000025	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
27	1000026	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
28	1000027	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
29	1000028	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
30	1000029	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
31	1000030	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
32	1000031	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
33	1000032	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
34	1000033	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
35	1000034	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
36	1000035	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
37	1000036	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
38	1000037	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
39	1000038	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
40	1000039	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
41	1000040	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
42	1000041	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
43	1000042	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
44	1000043	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
45	1000044	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
46	1000045	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
47	1000046	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
48	1000047	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
49	1000048	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
50	1000049	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
51	1000050	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
52	1000051	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
53	1000052	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
54	1000053	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
55	1000054	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
56	1000055	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
57	1000056	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
58	1000057	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
59	1000058	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
60	1000059	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
61	1000060	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
62	1000061	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
63	1000062	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
64	1000063	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
65	1000064	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
66	1000065	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
67	1000066	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
68	1000067	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
69	1000068	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
70	1000069	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
71	1000070	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
72	1000071	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
73	1000072	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
74	1000073	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
75	1000074	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
76	1000075	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
77	1000076	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
78	1000077	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
79	1000078	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
80	1000079	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
81	1000080	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
82	1000081	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
83	1000082	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
84	1000083	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
85	1000084	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
86	1000085	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
87	1000086	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
88	1000087	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
89	1000088	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
90	1000089	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
91	1000090	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
92	1000091	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
93	1000092	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
94	1000093	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
95	1000094	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
96	1000095	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
97	1000096	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
98	1000097	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
99	1000098	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
100	1000099	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
101	1000100	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
102	1000101	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
103	1000102	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
104	1000103	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
105	1000104	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
106	1000105	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
107	1000106	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
108	1000107	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
109	1000108	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
110	1000109	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
111	1000110	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
112	1000111	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
113	1000112	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
114	1000113	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
115	1000114	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
116	1000115	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
117	1000116	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
118	1000117	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
119	1000118	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
120	1000119	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
121	1000120	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
122	1000121	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
123	1000122	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
124	1000123	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
125	1000124	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
126	1000125	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
127	1000126	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
128	1000127	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
129	1000128	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
130	1000129	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
131	1000130	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
132	1000131	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
133	1000132	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
134	1000133	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
135	1000134	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
136	1000135	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
137	1000136	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
138	1000137	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
139	1000138	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
140	1000139	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
141	1000140	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
142	1000141	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
143	1000142	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
144	1000143	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
145	1000144	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
146	1000145	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
147	1000146	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
148	1000147	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
149	1000148	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
150	1000149	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
151	1000150	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
152	1000151	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
153	1000152	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
154	1000153	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
155	1000154	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
156	1000155	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
157	1000156	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
158	1000157	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
159	1000158	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
160	1000159	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
161	1000160	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
162	1000161	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
163	1000162	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
164	1000163	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
165	1000164	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
166	1000165	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
167	1000166	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
168	1000167	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
169	1000168	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
170	1000169	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
171	1000170	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
172	1000171	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
173	1000172	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
174	1000173	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
175	1000174	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
176	1000175	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
177	1000176	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
178	1000177	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
179	1000178	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
180	1000179	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
181	1000180	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
182	1000181	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
183	1000182	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
184	1000183	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
185	1000184	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
186	1000185	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
187	1000186	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
188	1000187	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
189	1000188	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
190	1000189	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
191	1000190	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
192	1000191	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
193	1000192	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
194	1000193	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
195	1000194	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
196	1000195	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
197	1000196	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
198	1000197	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
199	1000198	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	
200	1000199	Hàm số đồng biến trên khoảng nào dưới đây?	2/12/2019 4:00:00	Hàm bậc nhất	Mức 1 (Hiểu)	

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Số, ký hiệu	Trích yếu	Cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Địa chỉ truy cập
1	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	68/2020/QH14	Luật Cư trú 2020	Ủy ban thường vụ quốc hội	13/11/2020	01/07/2021	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Quyen-dan-su/Luat-68-2020-QH14-cu-tru-435315.aspx
2	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	154/2024/NĐ-CP	Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Cư trú	Chính phủ	26/11/2024	10/01/2025	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/11/154-cp.signed.pdf
3	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	60/2024/NĐ-CP	Nghị định số 60/2024/NĐ-CP	Chính phủ	05/06/2024	01/08/2024	https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=210356
4	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	60/2024/NĐ-CP	Nghị định số 60/2024/NĐ-CP	Chính phủ	05/06/2024	01/08/2024	https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=210356
5	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
6	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	nghị định 146/2025	Nghị định số 146/2025/NĐ-CP		12/06/2025	01/07/2025	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2025/6/146nd.signed.pdf
7	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	114/2018/NĐ-CP	Nghị định 114/2018/NĐ-CP	Chính phủ	04/09/2018	04/09/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=132219
8	2.002620	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	55/2024/NĐ-CP	Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ	16/05/2024	25/08/2024	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/5/55-nd-cp.signed.pdf
9	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	12/2018/QĐ-TTg	Quyết định Số: 12/2018/QĐ-TTg- về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Chính phủ	06/03/2018	24/04/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=128307
10	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	28/2023/QĐ-TTg	Quyết định 28/2023/QĐ-TTgcủa Thủ tướng Chính phủ	Thủ tướng Chính phủ	23/11/2023	15/01/2024	https://thuvienphapluat.vn/
11	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	124/2025/NĐ-CP	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP	Chính phủ	11/06/2025	01/07/2025	https://vanban.chinhphu.vn/
12	1.012222	Công nhận người có uy tín	12/2018/QĐ-TTg	Quyết định Số: 12/2018/QĐ-TTg- về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Chính phủ	06/03/2018	24/04/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=128307
13	1.012222	Công nhận người có uy tín	28/2023/QĐ-TTg	Quyết định 28/2023/QĐ-TTgcủa Thủ tướng Chính phủ	Thủ tướng Chính phủ	23/11/2023	15/01/2024	https://thuvienphapluat.vn/
14	1.012222	Công nhận người có uy tín	124/2025/NĐ-CP	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP	Chính phủ	11/06/2025	01/07/2025	https://vanban.chinhphu.vn/
15	1.012592	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	95/2023/NĐ-CP	Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	Chính phủ	29/12/2023	20/08/2024	https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209378&classid=1&orggroupid=2
16	1.012592	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	02/2016/QH14	Tín ngưỡng, tôn giáo	Quốc Hội	18/11/2016	01/01/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=117201
17	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	95/2023/NĐ-CP	Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	Chính phủ	29/12/2023	20/08/2024	https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209378&classid=1&orggroupid=2
18	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	02/2016/QH14	Tín ngưỡng, tôn giáo	Quốc Hội	18/11/2016	01/01/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=117201
19	1.012582	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ: Quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu	Chính phủ	15/11/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=215876
20	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	95/2023/NĐ-CP	Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	Chính phủ	29/12/2023	20/08/2024	https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209378&classid=1&orggroupid=2
21	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	02/2016/QH14	Tín ngưỡng, tôn giáo	Quốc Hội	18/11/2016	01/01/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=117201
22	1.012585	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	124/2025/NĐ-CP	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP	Chính phủ	11/06/2025	01/07/2025	https://vanban.chinhphu.vn/
23	1.012591	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	95/2023/NĐ-CP	Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	Chính phủ	29/12/2023	20/08/2024	https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209378&classid=1&orggroupid=2
24	1.012591	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	02/2016/QH14	Tín ngưỡng, tôn giáo	Quốc Hội	18/11/2016	01/01/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=117201
25	1.012584	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	95/2023/NĐ-CP	Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	Chính phủ	29/12/2023	20/08/2024	https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209378&classid=1&orggroupid=2
26	1.012584	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	02/2016/QH14	Tín ngưỡng, tôn giáo	Quốc Hội	18/11/2016	01/01/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=117201
27	1.012584	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ: Quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu	Chính phủ	15/11/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=215876
28	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	95/2023/NĐ-CP	Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	Chính phủ	29/12/2023	20/08/2024	https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209378&classid=1&orggroupid=2
29	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	02/2016/QH14	Tín ngưỡng, tôn giáo	Quốc Hội	18/11/2016	01/01/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=117201
30	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	124/2025/NĐ-CP	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP	Chính phủ	11/06/2025	01/07/2025	https://vanban.chinhphu.vn/
31	1.012590	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP	Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP của Chính phủ: Quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu	Chính phủ	15/11/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=215876
32	1.013796	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	95/2023/NĐ-CP	Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	Chính phủ	29/12/2023	20/08/2024	https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209378&classid=1&orggroupid=2
33	1.013796	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	02/2016/QH14	Tín ngưỡng, tôn giáo	Quốc Hội	18/11/2016	01/01/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=117201
34	1.013796	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	124/2025/NĐ-CP	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP	Chính phủ	11/06/2025	01/07/2025	https://vanban.chinhphu.vn/
35	1.013798	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	95/2023/NĐ-CP	Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	Chính phủ	29/12/2023	20/08/2024	https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209378&classid=1&orggroupid=2
36	1.013798	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	02/2016/QH14	Tín ngưỡng, tôn giáo	Quốc Hội	18/11/2016	01/01/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=117201
37	1.013798	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	124/2025/NĐ-CP	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP	Chính phủ	11/06/2025	01/07/2025	https://vanban.chinhphu.vn/
38	1.013797	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	95/2023/NĐ-CP	Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	Chính phủ	29/12/2023	20/08/2024	https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=209378&classid=1&orggroupid=2
39	1.013797	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	02/2016/QH14	Tín ngưỡng, tôn giáo	Quốc Hội	18/11/2016	01/01/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=117201
40	1.013797	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	124/2025/NĐ-CP	Nghị định số 124/2025/NĐ-CP	Chính phủ	11/06/2025	01/07/2025	https://vanban.chinhphu.vn/
41	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	104/2022/NĐ-CP	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Chính phủ	21/12/2022	01/01/2023	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=207048
42	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính phủ	12/06/2025	01/07/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=213931
43	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	105/2020/NĐ-CP	Nghị định 105/2020/NĐ-CP		08/09/2020	01/11/2020	http://vbpl.vn/tw/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=144382
44	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	66.7/2025/NQ-CP	Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP	Chính phủ	15/11/2025	01/01/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Nghi-quyet-66-7-2025-NQ-CP-cat-giam-don-gian-hoa-thu-tuc-hanh-chinh-dua-tren-du-lieu-681135.aspx
45	1.005702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	104/2022/NĐ-CP	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Chính phủ	21/12/2022	01/01/2023	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=207048
46	1.005090	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	04/2023/TT-BGDĐT	Thông tư	Bộ Giáo dục và Đào tạo	23/02/2023	10/04/2023	https://
47	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính phủ	12/06/2025	01/07/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=213931
48	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	104/2022/NĐ-CP	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công	Chính phủ	21/12/2022	01/01/2023	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=207048
49	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	105/2020/NĐ-CP	Nghị định 105/2020/NĐ-CP		08/09/2020	01/11/2020	http://vbpl.vn/tw/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=144382
50	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính phủ	12/06/2025	01/07/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=213931
51	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	84/2020/NĐ-CP	Nghị định 84/2020/NĐ-CP		17/07/2020		http://vbpl.vn/tw/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=143476
52	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	105/2020/NĐ-CP	Nghị định 105/2020/NĐ-CP		08/09/2020	01/11/2020	http://vbpl.vn/tw/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=144382
53	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính phủ	12/06/2025	01/07/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=213931
54	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	238/2025/NĐ-CP	Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	Chính phủ	03/09/2025	03/09/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=215169
55	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	238/2025/NĐ-CP	Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	Chính phủ	03/09/2025	03/09/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=215169
56	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục, trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục; cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	238/2025/NĐ-CP	Nghị định số 238/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo	Chính phủ	03/09/2025	03/09/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=215169
57	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	18/2018/TT-BLĐTBXH	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	30/10/2018	18/12/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=132920
58	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	08/2023/TT-BLĐTBXH	Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	29/08/2023	12/10/2023	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=208729
59	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC	Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	16/06/2016	01/08/2016	https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-lien-tich-12-2016-ttlt-bldtbxh-bgddt-btc-bo-giao-duc-va-dao-tao-106722-d1.html
60	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	37/2025/NĐ-CP	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính phủ	26/02/2025	01/03/2025	https://vbpl.vn/tw/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?dvid=13&ItemID=176082&Keyword=
61	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	53/2015/QĐ-TTg	Quyết định 53/2015/QĐ-TTg - Về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp	Thủ tướng Chính phủ	20/10/2015	01/01/2016	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=92415
62	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC	Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách nội trú quy định tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	16/06/2016	01/08/2016	https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-lien-tich-12-2016-ttlt-bldtbxh-bgddt-btc-bo-giao-duc-va-dao-tao-106722-d1.html
63	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	08/2023/TT-BLĐTBXH	Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư, Thông tư liên tịch có quy định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy hoặc giấy tờ có yêu cầu xác nhận nơi cư trú khi thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	29/08/2023	12/10/2023	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=208729
64	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	53/2015/QĐ-TTg	Quyết định 53/2015/QĐ-TTg - Về chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp	Thủ tướng Chính phủ	20/10/2015	01/01/2016	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=92415
65	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	37/2025/NĐ-CP	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính phủ	26/02/2025	01/03/2025	https://vbpl.vn/tw/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?dvid=13&ItemID=176082&Keyword=
66	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	11/2025/TT-BGDĐT	Thông tư số 11/2025/TT-BGDĐT ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	12/06/2025	01/07/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/Thong-tu-11-2025-TT-BGDDT-phan-quyen-chinh-quyen-dia-phuong-hai-cap-giao-duc-nghe-nghiep-662381.aspx
67	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	18/2018/TT-BLĐTBXH	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	30/10/2018	18/12/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=132920
68	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí	66/2025/NĐ-CP	Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	Chính phủ	12/03/2025	01/05/2025	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2025/3/66-nd-2025.signed.pdf
69	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	30/2024/TT-BGDĐT	Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông	Bộ Giáo dục và Đào tạo	30/12/2024	14/02/2025	https://chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=212363&classid=1
70	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	66/2025/NĐ-CP	Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	Chính phủ	12/03/2025	01/05/2025	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2025/3/66-nd-2025.signed.pdf
71	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP	Nghị định số 142/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính phủ	12/06/2025	01/07/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=213931
72	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất	28/2023/QH15	Luật	Quốc Hội	27/11/2023	01/07/2024	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?I
73	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất	14/2025/TT-BNNMT	14/2025/TT-BNNMT	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	19/06/2025	01/07/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-14-2025-TT-BNNMT-phan-quyen-phan-cap-trong-linh-vuc-tai-nguyen-nuoc-662384.aspx
74	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất	54/2024/NĐ-CP	QUY ĐỊNH VIỆC HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT, KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ, CẤP PHÉP, DỊCH VỤ TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC	Chính phủ	16/05/2024	25/08/2024	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-54-2024-ND-CP-hanh-nghe-khoan-nuoc-duoi-dat-ke-khai-dang-ky-dich-vu-tai-nguyen-nuoc-593574.aspx
75	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Nghị định số 131/2025/NĐ-CP	Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	12/06/2025	01/07/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-131-2025-ND-CP-phan-dinh-tham-quyen-chinh-quyen-02-cap-linh-vuc-quan-ly-Bo-Nong-nghiep-660659.aspx
76	1.001662	Đăng ký khai thác nước dưới đất	NĐ 23/2026/NĐ-CP	Nghị định 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước	Chính phủ	17/01/2026	17/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216670
77	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
78	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
79	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	114/2018/NĐ-CP	Nghị định 114/2018/NĐ-CP	Chính phủ	04/09/2018	04/09/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=132219
80	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Nghị định số 131/2025/NĐ-CP	Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	12/06/2025	01/07/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-131-2025-ND-CP-phan-dinh-tham-quyen-chinh-quyen-02-cap-linh-vuc-quan-ly-Bo-Nong-nghiep-660659.aspx
81	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Nghị định số 131/2025/NĐ-CP	Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	12/06/2025	01/07/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-131-2025-ND-CP-phan-dinh-tham-quyen-chinh-quyen-02-cap-linh-vuc-quan-ly-Bo-Nong-nghiep-660659.aspx
82	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	98/2018/NĐ-CP	98/2018/NĐ-CP	Chính phủ	05/07/2018	28/08/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=130180
83	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
84	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	114/2018/NĐ-CP	Nghị định 114/2018/NĐ-CP	Chính phủ	04/09/2018	04/09/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=132219
85	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
86	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
87	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	114/2018/NĐ-CP	Nghị định 114/2018/NĐ-CP	Chính phủ	04/09/2018	04/09/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=132219
88	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
89	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
90	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	114/2018/NĐ-CP	Nghị định 114/2018/NĐ-CP	Chính phủ	04/09/2018	04/09/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=132219
91	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Nghị định số 131/2025/NĐ-CP	Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	12/06/2025	01/07/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-131-2025-ND-CP-phan-dinh-tham-quyen-chinh-quyen-02-cap-linh-vuc-quan-ly-Bo-Nong-nghiep-660659.aspx
92	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	88/2025/TT-BNNMT	Thông tư	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	31/12/2025	01/01/2026	https://luatvietnam.vn/nong-nghiep/thong-tu-88-2025-tt-bnnmt-quan-ly-khai-thac-quy-hoach-va-thuc-thi-cong-uoc-cites-423360-d1.html
93	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Luật 18/2017/QH14	Luật	Quốc Hội	21/11/2017	01/01/2019	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126307
94	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Luật số 146/2025/QH15	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc Hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
95	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	33/2026/TT-BNNMT	sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	04/08/2026	19/09/2026	https://mae.gov.vn/van-ban-phap-luat-863.htm?
96	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	02/2026/TT-BNNMT	Thông tư	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	01/01/2026	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216592&classid=0
97	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	Luật 18/2017/QH14	Luật	Quốc Hội	21/11/2017	01/01/2019	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126307
98	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	31/2024/QH15	Luật Đất đai ngày 18/01/2024;	Quốc Hội	18/01/2024	01/01/2025	http://csdl.thutuchanhchinh.vn/TW/Pages/chitiet-vb-qdthc-khac.aspx?ItemID=20030
99	1.004478	Công bố mở cảng cá loại III	43/2024/QH15	Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024	Quốc Hội	29/06/2024	01/08/2024	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-sua-doi-Luat-Dat-dai-Luat-Nha-o-Luat-Kinh-doanh-bat-dong-san-Luat-Cac-to-chuc-tin-dung-

227	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	118/2025/NĐ-C	Thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia	Chính phủ	09/06/2025	01/07/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-118-2025-ND-CP-thuc-hien-thu-tuc-hanh-chinh-co-che-mot-cua-mot-cua-lien-thong-660295.aspx
228	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	31/2024/QH15	Luật Đất đai ngày 18/01/2024;	Quốc Hội	18/01/2024	01/01/2025	http://csdl.thutuchanhchinh.vn/TW/Pages/chitiet-vb-qdthc-khac.aspx?ItemID=20050
229	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	151/2025/NĐ-CP	Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai	Chính phủ	12/06/2025	20/08/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-151-2025-nd-cp-phan-dinh-tham-quyen-chinh-quyen-dia-phuong-02-cap-linh-vuc-dat-dai-660608.aspx
230	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	151/2025/NĐ-CP	Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai	Chính phủ	12/06/2025	20/08/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-151-2025-nd-cp-phan-dinh-tham-quyen-chinh-quyen-dia-phuong-02-cap-linh-vuc-dat-dai-660608.aspx
231	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Nghị định số 131/2025/NĐ-CP	Quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	12/06/2025	01/07/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-131-2025-ND-CP-phan-dinh-tham-quyen-chinh-quyen-02-cap-linh-vuc-quan-ly-Bo-Nong-nghiep-660659.aspx
232	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	156/2018/NĐ-CP	Nghị định 156/2018/NĐ-CP	Chính phủ	16/11/2018	01/01/2019	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=132213
233	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	118/2025/NĐ-C	Thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia	Chính phủ	09/06/2025	01/07/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-118-2025-ND-CP-thuc-hien-thu-tuc-hanh-chinh-co-che-mot-cua-mot-cua-lien-thong-660295.aspx
234	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	31/2024/QH15	Luật Đất đai ngày 18/01/2024;	Quốc Hội	18/01/2024	01/01/2025	http://csdl.thutuchanhchinh.vn/TW/Pages/chitiet-vb-qdthc-khac.aspx?ItemID=20050
235	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	102/2024/NĐ-CP	Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.	Chính phủ	30/07/2024	01/08/2024	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/8/102-nd.signed.pdf
236	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	43/2024/QH15	Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024	Quốc Hội	29/06/2024	01/08/2024	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-sua-doi-Luat-Dat-dai-Luat-Nha-o-Luat-Kinh-doanh-bat-dong-san-Luat-Cac-to-chuc-tin-dung-2024-612195.aspx
237	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	136/2025/NĐ-CP	Nghị định Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp	Chính phủ	12/06/2025	01/06/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-136-2025-ND-CP-phan-quyen-phan-cap-trong-linh-vuc-nong-nghiep-va-moi-truong-660612.aspx
238	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	226/2025/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	Chính phủ	15/08/2025	15/08/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=214955
239	1.013997	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	116/2025/NĐ-CP	116/2025/NĐ-CP		05/06/2025		https://thuvienphapluat.vn/
240	1.014275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	151/2025/NĐ-CP	Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai	Chính phủ	12/06/2025	20/08/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-151-2025-nd-cp-phan-dinh-tham-quyen-chinh-quyen-dia-phuong-02-cap-linh-vuc-dat-dai-660608.aspx
241	1.014275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	102/2024/NĐ-CP	Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.	Chính phủ	30/07/2024	01/08/2024	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/8/102-nd.signed.pdf
242	1.014275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	118/2025/NĐ-CP	Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia	Chính phủ	09/06/2025	09/06/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=213871
243	1.014275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	226/2025/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	Chính phủ	15/08/2025	15/08/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=214955
244	1.014275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	31/2024/QH15	Luật Đất đai ngày 18/01/2024;	Quốc Hội	18/01/2024	01/01/2025	http://csdl.thutuchanhchinh.vn/TW/Pages/chitiet-vb-qdthc-khac.aspx?ItemID=20050
245	1.014284	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	226/2025/NĐ-CP	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai	Chính phủ	15/08/2025	15/08/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=214955
246	1.014284	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	2418/QĐ-BNNMT	Đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025		28/06/2025	28/06/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Quyet-dinh-2418-QD-BNNMT-2025-dinh-chinh-Nghi-dinh-151-2025-ND-CP-664111.aspx
247	1.014284	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	31/2024/QH15	Luật Đất đai ngày 18/01/2024;	Quốc Hội	18/01/2024	01/01/2025	http://csdl.thutuchanhchinh.vn/TW/Pages/chitiet-vb-qdthc-khac.aspx?ItemID=20050
248	1.014284	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	102/2024/NĐ-CP	Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.	Chính phủ	30/07/2024	01/08/2024	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2024/8/102-nd.signed.pdf
249	1.014284	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	118/2025/NĐ-CP	Nghị định số 118/2025/NĐ-CP của Chính phủ: Về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia	Chính phủ	09/06/2025	09/06/2025	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=213871
250	1.014284	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển.	151/2025/NĐ-CP	Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai	Chính phủ	12/06/2025	20/08/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-151-2025-nd-cp-phan-dinh-tham-quyen-chinh-quyen-dia-phuong-02-cap-linh-vuc-dat-dai-660608.aspx
251	1.014776	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	số 38/2026/NĐ-CP	Quy định nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	Chính phủ	24/01/2026	24/01/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Nghi-dinh-38-2026-ND-CP-quy-dinh-ve-nhap-khau-cay-mang-theo-bau-dat-691398.aspx
252	1.014776	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	Luật số 31/2018/QH14	Luật Trồng trọt	Quốc Hội	19/11/2018	01/01/2020	http://vbpl.vn/tw/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?dvid=13&ItemID=139991
253	1.014776	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	Luật số 146/2025/QH15	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
254	1.014776	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	36/2026/NQ-CP	Quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	Chính phủ	31/07/2026	31/07/2026	thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-36-2026-NQ-CP-don-gian-hoa-thu-tuc-hanh-chinh-ma-so-vung-trong-717568.aspx
255	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	41/2026/NĐ-CP	Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.	Chính phủ	25/01/2026	25/01/2026	https://thuvienphapluat.vn
256	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	18/2017/QH14	Luật Thủy sản	Quốc Hội	21/11/2017	01/01/2019	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126307
257	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
258	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	43/2024/QH15	Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024	Quốc Hội	29/06/2024	01/08/2024	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-sua-doi-Luat-Dat-dai-Luat-Nha-o-Luat-Kinh-doanh-bat-dong-san-Luat-Cac-to-chuc-tin-dung-2024-612195.aspx
259	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	31/2024/QH15	Luật Đất đai ngày 18/01/2024;	Quốc Hội	18/01/2024	01/01/2025	http://csdl.thutuchanhchinh.vn/TW/Pages/chitiet-vb-qdthc-khac.aspx?ItemID=20050
260	1.014848	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
261	1.014848	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
262	1.014848	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	40/2026/NĐ-CP	Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026	Thủ tướng Chính phủ	25/01/2026	25/01/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-40-2026-ND-CP-huong-dan-Luat-Thuy-loi-691162.aspx
263	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
264	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	40/2026/NĐ-CP	Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026	Thủ tướng Chính phủ	25/01/2026	25/01/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-40-2026-ND-CP-huong-dan-Luat-Thuy-loi-691162.aspx
265	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
266	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	17/2026/NQ-CP	Về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	29/04/2026	29/04/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=217973&classid=1
267	1.014852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
268	1.014852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	40/2026/NĐ-CP	Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026	Thủ tướng Chính phủ	25/01/2026	25/01/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-40-2026-ND-CP-huong-dan-Luat-Thuy-loi-691162.aspx
269	1.014852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Luật số 146/2025/QH15	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
270	1.014852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	17/2026/NQ-CP	Về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	29/04/2026	29/04/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=217973&classid=1
271	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
272	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	40/2026/NĐ-CP	Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026	Thủ tướng Chính phủ	25/01/2026	25/01/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-40-2026-ND-CP-huong-dan-Luat-Thuy-loi-691162.aspx
273	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
274	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	17/2026/NQ-CP	Về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	29/04/2026	29/04/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=217973&classid=1
275	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
276	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	40/2026/NĐ-CP	Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026	Thủ tướng Chính phủ	25/01/2026	25/01/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-40-2026-ND-CP-huong-dan-Luat-Thuy-loi-691162.aspx
277	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
278	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	17/2026/NQ-CP	Về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	29/04/2026	29/04/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=217973&classid=1
279	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
280	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	40/2026/NĐ-CP	Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026	Thủ tướng Chính phủ	25/01/2026	25/01/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-40-2026-ND-CP-huong-dan-Luat-Thuy-loi-691162.aspx
281	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
282	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	17/2026/NQ-CP	Về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	29/04/2026	29/04/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=217973&classid=1
283	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
284	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	40/2026/NĐ-CP	Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026	Thủ tướng Chính phủ	25/01/2026	25/01/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-40-2026-ND-CP-huong-dan-Luat-Thuy-loi-691162.aspx
285	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
286	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	17/2026/NQ-CP	Về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	29/04/2026	29/04/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=217973&classid=1
287	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
288	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	40/2026/NĐ-CP	Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026	Thủ tướng Chính phủ	25/01/2026	25/01/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-40-2026-ND-CP-huong-dan-Luat-Thuy-loi-691162.aspx
289	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
290	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	17/2026/NQ-CP	Về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	29/04/2026	29/04/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=217973&classid=1
291	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
292	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	40/2026/NĐ-CP	Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026	Thủ tướng Chính phủ	25/01/2026	25/01/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-40-2026-ND-CP-huong-dan-Luat-Thuy-loi-691162.aspx
293	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&classid=1&orggroupid=1
294	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	17/2026/NQ-CP	Về cắt giảm, phân cấp, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Chính phủ	29/04/2026	29/04/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=217973&classid=1
295	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	08/2017/QH14	Luật 08/2017/QH14	Quốc Hội	19/06/2017	01/07/2018	http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=126723
296	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	40/2026/NĐ-CP	Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026	Thủ tướng Chính phủ	25/01/2026	25/01/2026	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Nghi-dinh-40-2026-ND-CP-huong-dan-Luat-Thuy-loi-691162.aspx
297	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong	146/2025/QH15	Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội sửa	Quốc hội	11/12/2025	01/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216543&cla

1769	1.116316	Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ tại Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 16/2026/TT-BNV	78/2025/QH15	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá số 78/2025/QH15 ngày 18 tháng 6 năm 2025;	Quốc hội	18/06/2025	01/01/2026	https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2025/7/78qh.signed.pdf
1770	1.116556	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho cá nhân)	01/2026/QH16	Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16	Quốc hội	23/04/2026	01/09/2026	
1771	1.116556	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho cá nhân)	337/2026/NĐ-CP	Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.	Chính phủ	24/08/2026	01/09/2026	
1772	1.116556	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho cá nhân)	126/2026/TT-BTC	Thông tư số 126/2026/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16	Chính phủ	24/08/2026	01/09/2026	
1773	1.116557	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp)	01/2026/QH16	Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16	Quốc hội	23/04/2026	01/09/2026	
1774	1.116557	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp)	337/2026/NĐ-CP	Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.	Chính phủ	24/08/2026	01/09/2026	
1775	1.116557	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp)	126/2026/TT-BTC	Thông tư số 126/2026/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Tiếp cận thông tin số 01/2026/QH16	Chính phủ	24/08/2026	01/09/2026	
1776	1.116678	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	54/2024/QH15	Luật Địa chất và Khoáng sản	Quốc Hội	29/11/2024	01/07/2025	https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-nguyen-Moi-truong/Luat-Dia-chat-va-Khoang-san-2024-so-54-2024-QH15-578531.aspx
1777	1.116678	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	21/2026/NĐ-CP	Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ	Thủ tướng Chính phủ	16/01/2026	16/01/2026	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=216682